



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2023**



**CHỦ ĐỘNG
THÍCH ỨNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.3974 1771 Fax: 024.3974 1760

Phòng giao dịch Bà Triệu: Tầng 1, số 306 Bà Triệu, phường Lê Đại hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Fax: 024 39741760

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.3974 1771 Fax: 028.3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 024.39741771 Fax: 023.6358 4788

☎ 1900 588 866

🌐 www.cts.vn

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	03	05	Thông điệp của Tổng Giám đốc
I. THÔNG TIN CHUNG		II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
Thông tin khái quát	09	23	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13	25	Tổ chức và nhân sự
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16	27	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Định hướng phát triển	17	27	Tình hình tài chính
Các rủi ro	19	28	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		29	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35	IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Tình hình tài chính	41	49	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42	53	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Kế hoạch phát triển trong tương lai	43	54	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	44	VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	45	71	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY		73	Báo cáo kiểm toán độc lập
Hội đồng quản trị	57	74	Báo cáo tình hình tài chính
Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán	62	78	Báo cáo kết quả hoạt động
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán	65	80	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
		83	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
		85	Thuyết minh báo cáo tài chính

GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương - VietinBank Securities; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. VietinBank Securities đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.

SLOGAN

TẠO LẬP THÀNH CÔNG
SEEDING YOUR SUCCESS



“VietinBank Securities cam kết mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến lựa chọn những nhân tố tốt nhất nhằm mang lại sự thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.”

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trải qua 23 năm xuyên suốt lịch sử hình thành và phát triển lâu bền, VietinBank Securities đã có 1 năm bứt phá mạnh mẽ và thành công với chiến lược **CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG** từ bên trong. Với nội tại bền bỉ và sức chiến đấu kiên cường, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đề cao sự linh hoạt trong chiến lược kinh doanh trước những thử thách khó khăn sắp tới trên thị trường chứng khoán.”

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác,

Trải qua một năm 2023 với nhiều thách thức, bối cảnh kinh tế thế giới đã phải đối mặt với tình trạng suy thoái tại nhiều quốc gia, dẫn đến sự giảm mạnh của tăng trưởng kinh tế tổng thể. Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam cũng không tránh khỏi những biến động và áp lực lớn từ tình hình phức tạp của TTCK toàn cầu. Trong nửa đầu năm 2023, TTCK Việt Nam trải qua giai đoạn giao dịch trầm lắng với sự sụt giảm mạnh thanh khoản so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát kéo dài và chính sách tiền tệ chặt chẽ, cùng với tình hình địa chính trị căng thẳng tăng lên ở nhiều khu vực, dẫn đến ngưng trệ trong dòng chảy thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như tăng trưởng kinh tế chậm và giảm nhu cầu tiêu dùng. Nhằm chủ động thích ứng với bối cảnh trên, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã có một năm tích cực điều chỉnh chiến lược kinh doanh linh hoạt để phản ứng kịp thời cùng với độ nhạy sức khỏe của nền kinh tế.

Xét về trung hạn, thị trường chứng khoán trong năm 2023 đã trải qua một chu kỳ tích lũy sau sự giảm điểm mạnh vào năm 2022. Tại phiên giao dịch cuối cùng của năm 2023, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,20% so với cuối năm 2022 và mức tăng này của thị trường chứng khoán Việt Nam thể hiện sự khả quan hơn khi so sánh với mặt bằng các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á. Trong năm, khối lượng giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 736,7 triệu cổ phiếu, giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 15.120 tỷ đồng, tăng 12,62% về khối lượng nhưng giảm 11,07% về giá trị so với năm 2022.



Năm 2023, với định hướng đã được Hội đồng quản trị Công ty hoạch định rõ ràng ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng chiến lược kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, đề cao tính an toàn và ổn định, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, quản lý rủi ro, thận trọng trong tất cả các mảng hoạt động, sẵn sàng ứng phó linh hoạt với những kịch bản rủi ro diễn biến bất ngờ và khó lường của thị trường chứng khoán. Trên tinh thần đó, VietinBank Securities luôn ưu tiên sự an toàn trong công tác phát triển mục tiêu kinh doanh hàng năm, cũng như xây dựng nền móng vững chắc để đảm bảo cho việc vận hành bộ máy hoạt động mềm mại, trơn tru và luôn vững vàng trước những cơn sóng lớn. Mặc dù phải chịu tác động không nhỏ từ yếu tố khách quan của tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và TTCK VN nói riêng, song năm 2023 vẫn là một năm hoạt động thành công đối với VietinBank Securities với nhiều điểm sáng nổi bật. Cụ thể, doanh thu hoạt động năm 2023 của Công ty đạt gần 1.145 tỷ đồng, tăng trưởng 31,2% so với năm 2022. Bên cạnh đó, cũng trong kỳ đánh giá này, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 230,872 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2023 được Đại



hội đồng cổ đông và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam giao và tăng 193,01% so với năm 2022. Đối với VietinBank Securities, năm 2023 là một năm **CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG**, linh hoạt chuyển mình với nội tại mạnh mẽ để bứt phá mục tiêu hoạt động kinh doanh trong năm, khẳng định thương hiệu VietinBank Securities là 1 thương hiệu có sự cam kết phục vụ lâu dài, liên tục với khách hàng, cũng như sự linh hoạt, sẵn sàng thích ứng với môi trường kinh doanh đầy biến động và khẳng định vị thế của 1 trong những Công ty Chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường.

Nối tiếp đà phát triển mạnh mẽ, bước sang năm 2024, với chiến lược kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, VietinBank Securities sẽ tiếp tục tập trung cải tiến các sản phẩm dịch vụ cốt lõi nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Đặc biệt trong thời đại xu hướng số hóa hiện nay, Công ty sẽ tập trung xây dựng và nâng cấp hạ tầng công nghệ đảm bảo an toàn bảo mật, đề cao tính sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa các nền tảng dịch vụ để phục vụ khách hàng - một chiến lược quan trọng để xây dựng mối quan hệ lâu dài và trung thực với



khách hàng, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và định vị thương hiệu rõ nét hơn trong lòng khách hàng. Cùng với đó, với thế mạnh là công ty con của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh khai thác chủ điểm kinh doanh mạng lưới bán chéo sản phẩm trong hệ sinh thái để tối đa hóa giá trị từ việc tích hợp và phối hợp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau trong chuỗi giá trị, từ đó có thể tăng cường giá trị cho khách hàng và tận dụng tối đa tiềm năng của sản phẩm và dịch vụ của mình.

Với quyết tâm cao và sự nỗ lực không ngừng, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty sẽ tiếp tục mang đến dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp với nguồn thông tin và giải pháp đa dạng để giúp khách hàng trải nghiệm các dịch vụ và sản phẩm tốt nhất. Đồng thời chú trọng nâng cao văn hóa doanh nghiệp để có thể tạo ra một môi trường làm việc tích cực, thúc đẩy sự cam kết và hiệu suất của nhân viên, hướng đến xây dựng một tổ chức thành công và bền vững. Bên cạnh đó, VietinBank Securities cũng sẽ tiếp tục quyết liệt triển khai các hoạt động kinh doanh trên chủ trương an toàn và hiệu quả, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ để xây dựng một hình ảnh VietinBank Securities ngày càng vững mạnh. Mục tiêu của chúng tôi là sự hài lòng và niềm tin từ phía Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác. Đây là cơ sở để chúng tôi không ngừng cải thiện năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác cũng như tập thể Cán bộ nhân viên và Người lao động. Tôi tin rằng VietinBank Securities đang trên hành trình bứt phá mạnh mẽ và không ngừng lớn mạnh, hứa hẹn những bước tiến xa hơn, có đủ nội lực để tiếp tục xây dựng phát triển bền vững, từ đó khẳng định vị thế của một định chế tài chính uy tín hàng đầu!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Phúc Vinh

THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Bằng sự nhạy bén, chủ động thích ứng với ngoại cảnh, kiên trì với mục tiêu kế hoạch kinh doanh được giao, Công ty Chứng khoán Công thương đã kịp thời nắm bắt thông tin, chính sách mới để điều chỉnh hoạt động kinh doanh: chủ động tái cơ cấu lại danh mục đầu tư; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ; đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ song song với quản trị rủi ro hiệu quả... qua đó đã giúp cho Công ty giữ vững vị thế và tận dụng cơ hội để tăng tốc về những tháng cuối năm.



Kính thưa Quý vị,

Nhìn lại năm qua, sau đợt phục hồi từ nền giá thấp từ cuối năm 2022 đến hết tháng 1/2023, VN-Index giao dịch linh xình quanh vùng trên 1.000 điểm tạo ra quý đầu năm khá ảm đạm. Thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu sôi động trở lại từ tháng 5 trong bối cảnh Việt Nam chuyển sang chính sách “nới lỏng, linh hoạt”. Cùng với đó là hàng loạt các giải pháp quyết liệt của Chính phủ và các cơ quan quản lý được triển khai nhằm tháo gỡ các nút thắt của thị trường trái phiếu và thị trường bất động sản. Những đợt giảm lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để hỗ trợ cho nền kinh tế là chất xúc tác cho đà tăng của chứng khoán Việt Nam. Mặc dù VN-Index có nhịp tăng hơn 200 điểm từ đầu tháng 5 đạt 1.250 điểm trong tháng 9, sau đó Thị trường đã rơi vào nhịp giảm sáu. Nhịp điều chỉnh nửa cuối tháng 9 và tháng

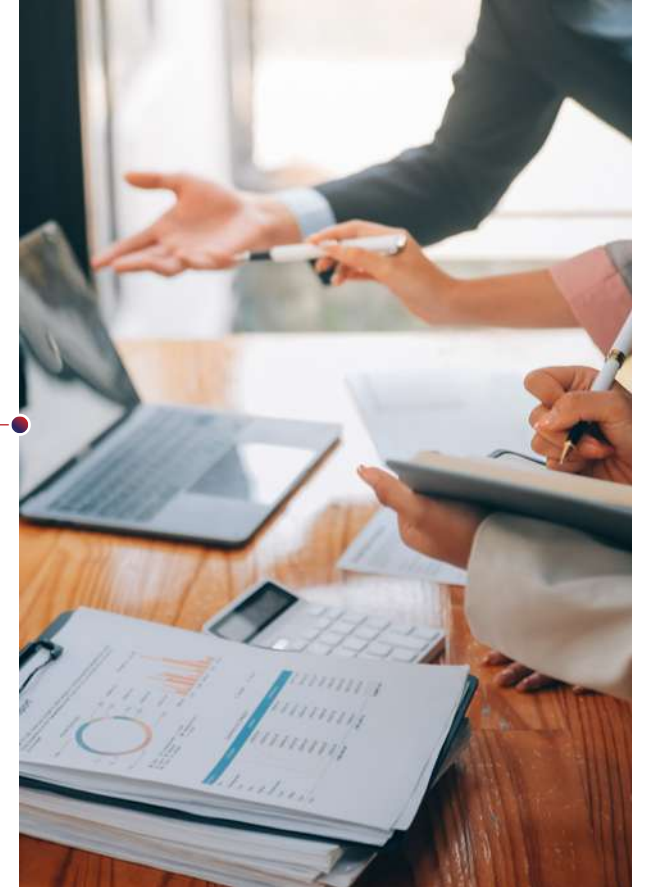
10 khiến VN-Index gần như mất toàn bộ thành quả đạt được trước đó.

Năm 2023 được đánh giá là năm biến động mạnh của thị trường chứng khoán với những diễn biến khó lường, nếu không kịp thời ứng phó thì những thành quả đạt được sẽ bị xóa sạch trong giai đoạn thị trường giảm điểm. Bằng sự nhạy bén, chủ động thích ứng với ngoại cảnh, kiên trì với mục tiêu kế hoạch kinh doanh được giao, Công ty Chứng khoán Công thương đã kịp thời nắm bắt thông tin, chính sách mới để điều chỉnh hoạt động kinh doanh: chủ động tái cơ cấu lại danh mục đầu tư; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ; đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ song song với quản trị rủi ro hiệu quả... qua đó đã giúp cho Công



ty giữ vững vị thế và tận dụng cơ hội để tăng tốc về những tháng cuối năm. Kết thúc năm 2023, Công ty chứng khoán Công thương đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận.

Năm 2023, Công ty ghi nhận 1.144,23 tỷ đồng doanh thu, tăng mạnh 31,20% so với cùng kỳ năm 2022. Về cơ cấu doanh thu: doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn đạt 768,236 tỷ đồng, tăng 40,7% chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu (67,14%); doanh thu từ lãi tiền cho vay giao dịch ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 253,38 tỷ đồng, tăng 33,9%; doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán ghi nhận 100,34 tỷ đồng, bằng 98,6%; Các doanh thu khác bao gồm: doanh thu hoạt động tư vấn, doanh thu đại lý phát hành chứng



khoán và doanh thu lưu ký chứng khoán lần lượt đạt 5,63 tỷ đồng 2,32 tỷ đồng và 13,94 tỷ đồng.

Năm 2023 Công ty ghi nhận 230,872 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế, bằng 193,01% so với năm 2022, hoàn thành 100,04% kế hoạch lợi nhuận năm 2023 được ĐHCĐ giao, trong đó, Lợi nhuận đã thực hiện đạt 338,893 tỷ đồng tăng 61,43% so với năm 2022. Tỷ lệ ROA, ROE của Công ty trong năm 2023 đạt lần lượt là 2,22% và 9,20%, tăng mạnh 57,05%(ROA) và 139,93% (ROE) so với năm 2022.

Để đạt được thành tích nêu trên, ngoài sự chủ động, nỗ lực để thích ứng với biến động của Thị trường của toàn thể cán bộ Công ty còn có sự tin tưởng, ủng hộ của các cổ đông, khách hàng. Thay mặt Ban điều hành, tôi xin bày tỏ lời tri ân sâu sắc tới các quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và tập thể người lao động VietinBank Securities đã luôn tin tưởng, hợp tác, đồng hành với Công ty. Qua đây, tôi cũng bày tỏ hy vọng và tin tưởng vào sự hợp tác, gắn bó chặt chẽ của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và tập thể người lao động để xây dựng VietinBank Securities ngày càng vững mạnh. Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Vũ Đức Mạnh

I. THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

Thông tin khái quát



TÊN GIAO DỊCH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ

0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/08/2023.

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG SỐ

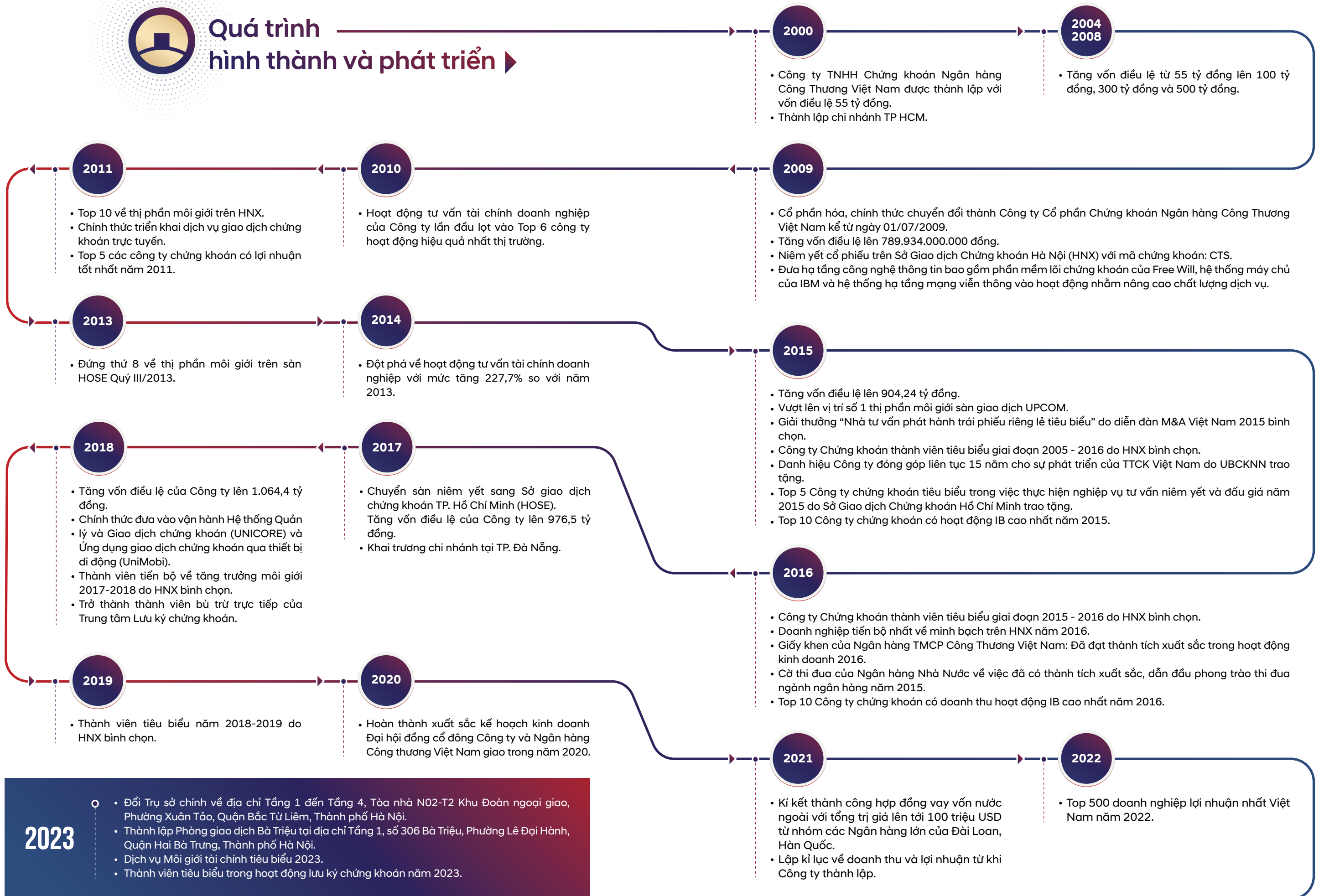
107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UB-CK ngày 15/10/2018, Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 13/6/2019, Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 15/02/2022, Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 10/10/2022 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 01/08/2023.



Vốn điều lệ	:	1.487.383.110.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	1.493.274.874.053 đồng.
Địa chỉ	:	Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Số điện thoại	:	(024).3974 1771
Fax	:	(024).3974 1760
Website	:	www.cts.vn
Mã cổ phiếu	:	CTS
Sàn niêm yết	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



Quá trình hình thành và phát triển



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2009, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/08/2023, các mã ngành, nghề kinh doanh của VietinBank Securities như sau:

MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
6612 CHÍNH	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

SẢN PHẨM DỊCH VỤ



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính

Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Phòng giao dịch Bà Triệu

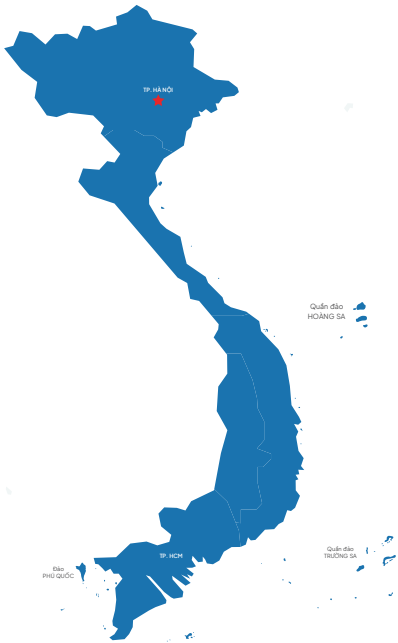
Tầng 1, số 306 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

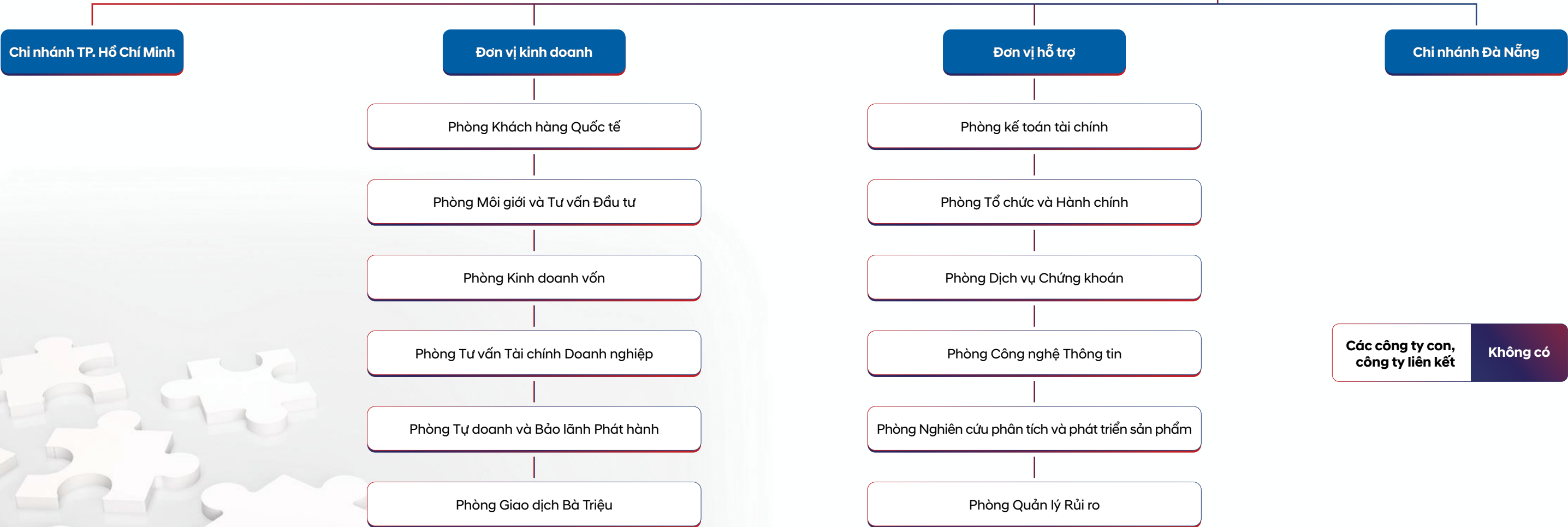
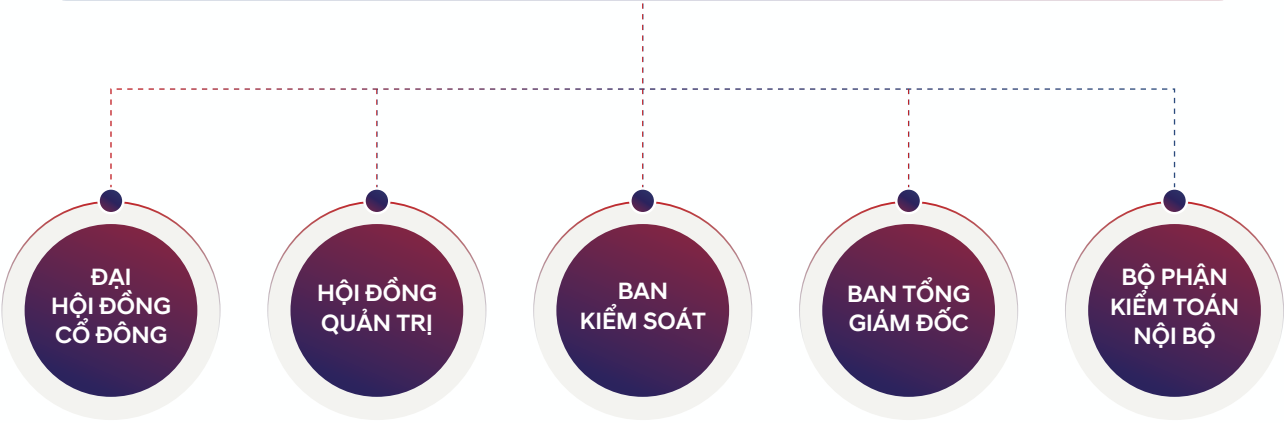
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu bao gồm:



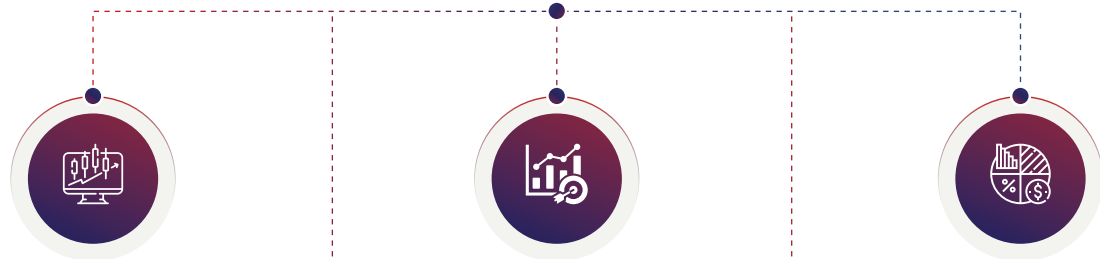
Các công ty con, công ty liên kết | Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Bước sang năm 2024, Công ty định hướng sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy các kết quả đã đạt được trong năm 2023. Ngoài ra, Công ty cũng xác định sẽ tập trung duy trì và đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Tiếp tục tăng trưởng thị phần mảng môi giới chứng khoán, và tăng cường cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiền bán... trên cơ sở hoàn thiện hạ tầng công nghệ phục vụ giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn phục vụ khách hàng.

Tập trung phát triển khai thác sâu mảng tư vấn dịch vụ đối với tệp khách hàng của VietinBank, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn cổ phần hóa, tận dụng bán chéo đa kênh với VietinBank.

Đẩy mạnh các mảng hoạt động đầu tư kinh doanh vốn, tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất.



Tìm kiếm các cơ hội phù hợp để cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao, đa dạng hoá danh mục trái phiếu nhằm tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

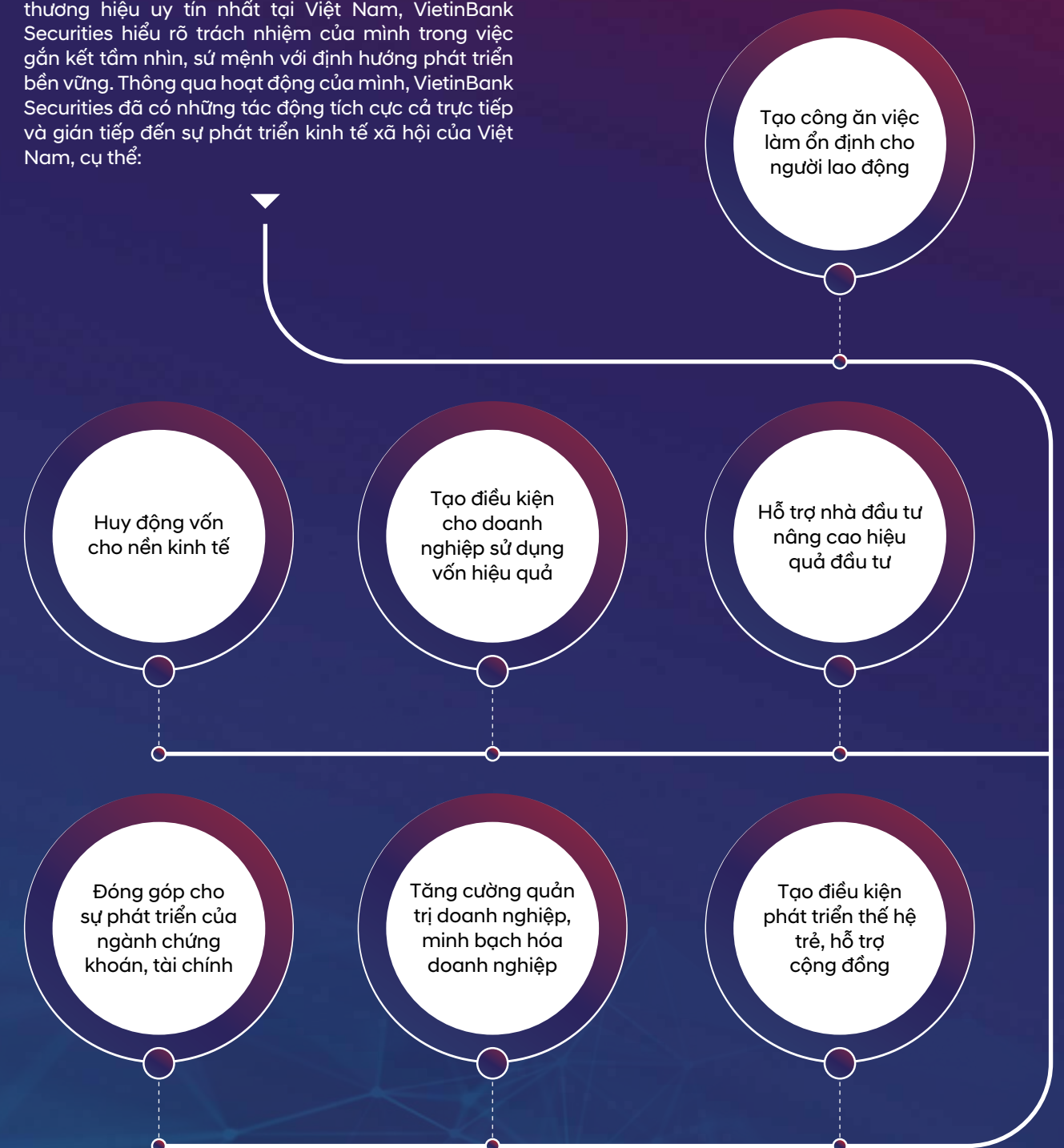
Tiếp tục xây dựng và khẳng định thương hiệu của Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường, cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất.



Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề “phát triển bền vững” đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:



Các rủi ro

Năm 2023, công tác quản trị rủi ro tại VietinBank Securities tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quản trị rủi ro được vận hành dựa trên hệ thống các quy chế, quy trình nội bộ bằng văn bản. Hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung xác định, nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, kiểm soát và xử lý rủi ro... Bên cạnh đó, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng hoạt động kinh doanh. Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều cơ bản được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2023, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.



Rủi ro hoạt động

VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chốt kiểm soát liên quan đến các hoạt động môi giới, lưu ký, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán. VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động.

Rủi ro thị trường

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đo lường Giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ tháng, được đánh giá mức độ ảnh hưởng khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities và gửi báo cáo đến Ban lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý. Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm được các phòng nghiệp vụ phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng. VietinBank Securities đẩy mạnh việc giám sát và cảnh báo rủi ro thị trường thông qua xây dựng các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động.

Rủi ro thanh toán

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giá trị rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities được thực hiện định kỳ tháng. Rủi ro thanh toán được giảm thiểu thông qua hệ thống Quản trị rủi ro, thực hiện theo quy trình yêu cầu đối tác phải duy trì tài sản thế chấp ở mức hợp lý, phải thanh toán các khoản công nợ đúng như cam kết và có những điều khoản phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro thanh khoản

VietinBank Securities giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban lãnh đạo phân tích, đánh giá đủ đáp ứng cho các hoạt động của VietinBank Securities và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Định kỳ, VietinBank Securities thực hiện lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính; qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, VietinBank Securities lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản dựa trên các số liệu tại bảng cân đối kế toán và các số liệu quản trị nội bộ của Công ty. Từ đó, đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của VietinBank Securities trong kỳ báo cáo.

Rủi ro pháp lý

Bộ phận pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities; rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities nhằm đảm bảo tính tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Bắt đầu từ tháng 03/2023, NHNN liên tục 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành với mức giảm từ 0,5% đến 2% trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường. Chính động thái quyết liệt này đã giúp mặt bằng lãi suất trong nước giảm mạnh và là cơ sở cho sóng tăng của thị trường từ tháng 05 đến tháng 09/2023 với mức tăng trưởng rõ rệt, hơn 20%. Tuy nhiên, việc giảm lãi suất cũng dẫn đến hệ lụy là tỷ giá tăng mạnh và duy trì ở mức cao ảnh hưởng đến dòng vốn hối ngoại. Tổng khối lượng bán ròng trong năm 2023 ở mức 687 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị bán ròng lên đến 22.598 tỷ đồng. Tính trong khoảng 10 năm qua, 2023 cũng là năm bán ròng mạnh thứ 2 của khối ngoại (năm 2021 bán ròng 57.832 tỷ đồng). Ngày 21/09/2023, Ngân hàng nhà nước thực hiện phát hành tín phiếu để hỗ trợ tỷ giá khiến thị trường chứng khoán rơi vào xu hướng điều chỉnh kéo dài tới tận đầu tháng 11/2023 với mức sụt giảm khoảng 18%. Ngày 08/11, đợt phát hành tín phiếu kết thúc, FED dừng tăng lãi suất, tỷ giá trong nước đạt đỉnh và thị trường chứng khoán ổn định trở lại. Ngoài ra, nhờ các chính sách kịp thời của Chính phủ như Nghị định 65/2022/NĐ-CP và Nghị định 08/2023/NĐ-CP đã tháo gỡ khó khăn cho thị trường trái phiếu riêng lẻ, giúp các doanh nghiệp thoát khỏi bong bóng nợ trái phiếu.



Nhìn chung, TTCK Việt Nam năm 2023 có nhiều biến động mạnh. VN-Index trong những tháng đầu năm bật mạnh lên 1.124,30 điểm sau khi tạo đáy và đóng cửa tại mốc 911,90 điểm vào tháng 11/2022. VN-Index tiếp tục duy trì xu hướng đi ngang cho tới đầu tháng 5, trước khi bước vào nhịp tăng mạnh nhất của năm. VN-Index đạt đỉnh năm 2023 vào ngày 07/09 với mốc điểm đạt được là 1.255,11 điểm sau đó có một đợt sụt giảm mạnh. Các tháng cuối năm, thị trường đa phần chỉ đi ngang tích lũy với nền thanh khoản thấp. So với bức tranh ảm đạm của 2022 thì sang tới 2023, TTCK đã đạt được sự phục hồi nhất định. Tâm lý nhà đầu tư cũng được cải thiện phần nào và nhu cầu sử dụng đòn bẩy để bắt sóng hồi phục theo đó cũng gia tăng đáng kể.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023 so với 2022
Tổng tài sản	6.685.686	5.036.970	8.457.053	67,9%
Doanh thu thuần	1.064.553	872.155	1.144.231	31,2%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	148.857	101.743	100.344	-1,4%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	724.529	546.134	768.236	40,7%
+ Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	635.039	443.632	533.828	20,3%
+ Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	73.832	88.502	162.033	83,08%
+ Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.658	14.000	72.375	416,96%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	0	0	0	0
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	3.018	9.206	2.322	-74,8%
Doanh thu hoạt động tư vấn	5.167	6.809	5.534	-18,7%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	36.558	18.041	13.946	-22,7%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	145.285	189.174	253.382	33,9%
Thu nhập hoạt động khác	1.139	1.047	468	-55,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	481.103	78.712	229.984	192,2%
Lợi nhuận khác	853	82	888	978,3%
Lợi nhuận trước thuế	481.957	78.794	230.872	193,0%
Lợi nhuận sau thuế	386.504	71.068	187.401	163,7%
Thị phần môi giới	1,5%	0,67%	0,76%	13,43%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	21,3%	3,83%	9,20%	140,21%

Theo đó, kết thúc năm 2023, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.144.231 triệu đồng, tăng 31,2% so với năm 2022. Kết quả này phản ánh bối cảnh phục hồi chung của thị trường chứng khoán năm 2023.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Mặc dù phải đối mặt với những thách thức và diễn biến khó lường của thị trường, Công ty vẫn tiếp tục bám sát, đánh giá và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời để thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết thúc năm 2023, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 187.401 triệu đồng, tăng 163,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 của Công ty đạt 230.872 triệu đồng, với mức tăng vượt trội 193,0% so với năm 2022, vượt hơn 100% kế hoạch cả năm.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành Công ty tại thời điểm 31/12/2023 gồm các thành viên:



VŨ ĐỨC MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm : 1981
Quốc tịch : Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền
biểu quyết và các chứng khoán
khác do Công ty phát hành**

0% (không bao gồm số cổ phần
đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ĐẶNG ANH HÀ

Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm : 1984
Quốc tịch : Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền
biểu quyết và các chứng khoán
khác do Công ty phát hành**

0% (không bao gồm số cổ phần
đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ ngành Tiền tệ,
Ngân hàng và Tài chính



PHẠM NGỌC HIỆP

Phó
Tổng Giám đốc

Sinh năm : 1978
Quốc tịch : Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền
biểu quyết và các chứng khoán
khác do Công ty phát hành**

0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng



NGUYỄN TUẤN ANH

Phó
Tổng Giám đốc

Sinh năm : 1983
Quốc tịch : Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền
biểu quyết và các chứng khoán
khác do Công ty phát hành**

0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



TRẦN THỊ NGỌC TÀI

Phó
Tổng Giám đốc

Sinh năm : 1982
Quốc tịch : Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền
biểu quyết và các chứng khoán
khác do Công ty phát hành**

0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



NGUYỄN THỊ ANH THU

Kế toán
trưởng

Sinh năm : 1979
Quốc tịch : Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền
biểu quyết và các chứng khoán
khác do Công ty phát hành**

0%

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

Chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong
chính sách đối với người lao động

Số lượng
cán bộ, nhân viên

245
NGƯỜI

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Để bảo đảm quyền lợi về lương, thưởng cho người lao động, Công ty đã thành lập và duy trì hoạt động tích cực của Hội đồng lương Công ty, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Có thể nói năm 2023 là một năm nhiều biến động, khó khăn của nền kinh tế nói chung và các Công ty chứng khoán nói riêng. Với sự lãnh đạo sáng suốt của Lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt, thu nhập bình quân năm 2023 đối với cán bộ nhân viên Công ty đạt: 30,06 triệu đồng/tháng; đối với cán bộ quản lý Công ty đạt: 90,890 triệu đồng/tháng.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư mới vào các cổ phiếu/chứng chỉ quỹ có giá trị lớn như Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB), Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (VIX), CTCP Sữa Việt Nam - Vinamilk (VNM), Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GEX), Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVF), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (NAB).. và nhiều khoản đầu tư trong năm đã đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023.
Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
01	Tổng giá trị tài sản	5.036.970.412.985	8.457.052.562.089	67,90%
02	Doanh thu thuần	872.155.112.633	1.144.231.385.757	31,2%
03	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.711.803.021	229.983.663.349	192,18%
04	Lợi nhuận khác	82.357.730	888.103.238	978,35%
05	Lợi nhuận trước thuế	78.794.160.751	230.871.766.587	193,01%
06	Lợi nhuận sau thuế	71.067.936.264	187.400.623.843	163,69%
07	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	21,96% + 8% (*)	-	-

(*): - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế, trích quỹ và chi trả cổ tức của năm 2018, toàn bộ lợi nhuận sau thuế và trích quỹ năm 2019 và một phần lợi nhuận sau thuế và trích quỹ năm 2020. Ngày kết thúc đợt phát hành: 29/03/2022. Tỷ lệ phát hành 8%.

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế, trích quỹ và chi trả cổ tức còn lại của năm 2020 và lợi nhuận đã thực hiện sau thuế, trích quỹ năm 2021. Ngày kết thúc đợt phát hành: 25/08/2022. Tỷ lệ phát hành 21,96%.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,58	1,31
Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	1,58	1,31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)			
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần	0,63	0,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,72	3,15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,15	0,17

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,08	0,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	Lần	0,04	0,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	Lần	0,01	0,02
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	9,02	20,1

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Vốn điều lệ	1.487.383.110.000 đồng
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	148.738.311 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	148.701.349 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	36.962 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	148.701.349 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0

Cơ cấu cổ đông:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 49%

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Cổ đông lớn	112.498.833	75,635%
-	Trong nước	112.498.833	75,635%
-	Trong đó: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	112.498.833	75,635%
-	Nước ngoài	-	-
02	Cổ đông Nhà nước (*)	112.498.833	75,635%
03	Cổ đông khác	36.202.516	24,340%
3.1	Trong nước	33.052.773	22,222%
-	Cổ đông tổ chức	72.606	0,049%
-	Cổ đông cá nhân	32.980.167	22,173%
3.2	Nước ngoài	3.149.743	2,118%
-	Cổ đông tổ chức	3.100.786	2,085%
-	Cổ đông cá nhân	48.957	0,033%
4	Cổ phiếu quỹ	36.962	0,025%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD cấp ngày 04/03/2024)
(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vừa là Cổ đông nhà nước vừa là Cổ đông lớn của Công ty.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Năm 2009	789,934		Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần	UBCKNN
Năm 2015	837,3	47,366	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2016	904,24	66,94	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2017	976,5	72,26	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2018	1.064,4	87,9	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
Năm 2022	1.149,5	85,1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN
	1.487,3	337,8	• Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức • Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Tác động lên môi trường

Không có

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Không có

Tiêu thụ năng lượng

Không có

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Do hoạt động kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp không liên quan đến lĩnh vực sản xuất, lượng tiêu thụ nước của Công ty chủ yếu phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng. Tổng kinh phí tiêu thụ nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh được đơn vị cho thuê văn phòng tính toán và thanh toán hàng theo thực tế sử dụng.

Toàn bộ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty luôn đảm bảo tuân thủ việc tiết kiệm nguồn tài nguyên như điện, nước, giấy văn phòng trong hoạt động và công việc tại Công ty, đồng thời có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2023
245
NGƯỜI

Mức lương trung bình đối với người lao động
30,06
TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

Mức lương trung bình đối với người quản lý
90,890
TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

Mức lương chưa bao gồm các chế độ thưởng Lễ Tết định kỳ và thưởng theo kết quả công việc định kỳ cuối năm.

Chính sách liên quan đến người lao động

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Đánh giá tầm quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực cả về thể chất, bên cạnh đảm bảo tuân thủ đầy đủ các chính sách của nhà nước về BHYTN theo quy định của Luật lao động, từ 09 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho Cán bộ nhân viên và người thân hợp tác cùng Công ty Bảo hiểm VietinBank. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ được áp dụng cho tất cả Cán bộ nhân viên tại các cơ sở khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.



Hoạt động đào tạo người lao động



- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

ĐÀO TẠO NỘI BỘ

- Phối hợp cùng Trường đào tạo và PTNNL VietinBank Tổ chức 05 khóa đào tạo: Kỹ năng đàm phán và thương lượng chuyên nghiệp, Chương trình đào tạo tập trung cho các Next-Gen, Năng lực huấn luyện phát triển đội ngũ, Đào tạo phương pháp bán hàng cho tư vấn viên.
- Phối hợp với phòng Nghiên cứu phân tích & Phát triển sản phẩm chuỗi đào tạo kỹ năng bán hàng cho Tư vấn viên.



ĐÀO TẠO BÊN NGOÀI

- Tiếp tục cử cán bộ chưa có đủ các chứng chỉ về chứng khoán tham gia đào tạo các chứng chỉ cụ thể như sau:

- Lớp Phân tích và Đầu tư Chứng khoán **25 người**
- Lớp Môi giới và Đầu tư Chứng khoán **20 người**
- Lớp Tự doanh và Bảo lãnh phát hành **21 người**
- Lớp Pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán **18 người**
- Lớp Phân tích Báo cáo tài chính Doanh nghiệp **16 người**
- Lớp Quản lý Quỹ và Tài sản **05 người**
- Lớp Những vấn đề cơ bản về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán **22 người**
- Lớp Chứng khoán phái sinh **03 người**

- Trong năm 2023, Công ty có 10 người đủ điều kiện thi sát hạch, 09 cán bộ được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán
- Thực hiện các quy trình để đề nghị UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề cho cán bộ của Công ty khi có đủ các điều kiện.
- Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ, giám sát việc thực hiện quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Năm 2023 hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc, bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện và tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước, pháp luật mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất. 100% cán bộ, nhân viên hành nghề chứng khoán tại VietinBank Securities có chứng chỉ hành nghề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2023, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

Với mong muốn đem lại hương vị ngày Tết, động viên và sẻ chia với những người bệnh và gia đình người bệnh, Công ty đã phối hợp cùng Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Hà Nội tổ chức Hội chợ xuân 0 đồng năm 2023 tại Bệnh viện Châm cứu Trung ương nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 2023, qua đó trao những phần quà Tết tới tận tay những người bệnh và gia đình người bệnh điều trị tại Bệnh viện.

Trong tháng 2/2023, theo chủ trương của Đoàn thanh niên Ngân hàng Công thương về việc triển khai Chương trình Về nguồn & Phát động tháng Thanh niên, Công ty cũng đã đóng góp và cùng các đơn vị Đoàn cơ sở, Chi đoàn khác trong hệ thống, cũng như Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương tại Bắc Kạn, tổ chức khánh thành và bàn giao Công trình thanh niên cấp Đoàn khối Doanh nghiệp Trung ương năm 2023: Công trình xây dựng mới 02 lớp học tại trường mầm non Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Nhân dịp 30/04- 01/5/2023, Công ty đã phối hợp cùng Chi đoàn Ban Tuyên giáo Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thực hiện Chương trình Kỷ niệm 48 năm Ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (30/04/1975 - 30/04/2023) và kỷ niệm 137 năm Ngày Quốc tế lao động (01/5/1886 - 01/5/2023) tại tỉnh Hà Nam, đồng thời thông qua đó, thăm hỏi, tặng quà các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và trao các suất quà, học bổng tới các gia đình trên địa bàn tỉnh.

Theo Kế hoạch của Ban Thường vụ Đoàn VietinBank về việc Tổ chức Ngày hội hiến máu tình nguyện "VietinBank - Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống" chào mừng kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1988 - 2023), đồng đạo cán bộ, người lao động trong Công ty đã tham gia hiến máu, góp phần tăng nguồn dự trữ máu phục vụ cấp cứu, điều trị cho người bệnh, qua đó, cũng giúp lan tỏa những giá trị tốt đẹp, phát huy truyền thống "Tương thân tương ái" của dân tộc Việt Nam, thể hiện nét đẹp văn hóa, phẩm chất của cán bộ, nhân viên và người lao động VietinBank.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2023, VietinBank Securities ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.144,23 tỷ đồng, ghi nhận tăng 31,20% so với năm 2022; trong đó doanh thu ghi nhận tăng đáng kể so với 2022 chủ yếu đến từ lãi từ các tài sản tài chính FVTPL tăng 20,33% với Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL tăng mạnh 209,74%; Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng 83,08%; Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 33,94%; Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) tăng mạnh 416,95%. Tuy nhiên, doanh thu từ một số mảng hoạt động khác ghi nhận giảm so với năm 2022 bao gồm: Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán bằng 25,21%. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán bằng 98,62%; Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán bằng 77,3%; Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính bằng 81,28%.

Năm 2023, Công ty đạt 230,872 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế ~ 100,04% kế hoạch (230,773 tỷ đồng), vượt kế hoạch năm 2023 đề ra, nguyên nhân chính là do diễn biến của Thị trường Tài chính, Chứng khoán Việt Nam năm 2023 có diễn biến thuận lợi hơn so với năm 2022 nhờ động lực chính là chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước với 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên 29/12/2023 tại 1.129,93 điểm; ghi nhận mức tăng 12,19% so với giá đóng cửa của phiên giao dịch cuối cùng năm 2022, khối lượng giao dịch bình quân phiên tăng 12,2% so với năm trước. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Hoạt động Môi giới chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ

Năm 2023, Công ty đã nỗ lực và tích cực đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán. Giá trị giao dịch toàn Công ty đạt 66.520 tỷ đồng, doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới toàn Công ty đạt 97,349 tỷ đồng, giảm nhẹ lần lượt 0,12% và 3,89% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần giao dịch của Công ty tính chung cả năm 2023 tăng trưởng từ mức 0,67% (năm 2022) lên 0,76%, tương ứng tỷ lệ tăng 13,43% so với năm 2022.

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (Margin) tiếp tục được chú trọng và đẩy mạnh. Trong năm 2023, Công ty mở rộng quy mô hoạt động cho vay margin thông qua việc duy trì và đẩy mạnh dư nợ khách hàng vay ký quỹ của nhóm khách hàng hiện tại đồng thời tìm kiếm và phát triển khách hàng mới, đặc biệt là nhóm khách hàng vay ký quỹ với dư nợ lớn, có nhiều tài sản đảm bảo. Dư nợ Margin trong năm 2023 đã có bước nhảy vọt so với năm 2022. Dư nợ Margin bình quân của Công ty năm 2023 là 2.003,47 tỷ đồng, tăng 23,60% so với năm 2022. Dư nợ Margin cuối năm 2023 toàn Công ty đạt là 2.722,12 tỷ đồng, tăng mạnh 85,60% so với cùng kỳ. Đây là lần đầu tiên trong những năm qua, dư nợ Margin của Công ty vượt mức 2.700 tỷ đồng. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đáp ứng về giới hạn Dư nợ Margin không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo Thông tư hướng dẫn Giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Doanh thu lãi Margin trong năm 2023 của Công ty là 242,502 tỷ đồng tăng 34,34% so với năm 2022.

Năm 2023, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới của Công ty ghi nhận 2.496 tài khoản, giảm 28,52% so với năm 2022, tổng cộng số lượng tài khoản có giao dịch thực tế trong năm 2023 là 12.245 tài khoản, giảm 14,81% so với con số 14.373 tài khoản có giao dịch của năm 2022, tuy nhiên số lượng tài khoản margin mở mới của nhà đầu tư (gần như toàn bộ đều là nhà đầu tư cá nhân) năm 2023 là 795 tài khoản, tăng 11,66% so với năm 2022.

Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Năm 2023 là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Các mảng hoạt động tư vấn đều bị ảnh hưởng nặng nề:

Hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu từng góp tỷ trọng không nhỏ trong tổng doanh thu tư vấn cho Công ty, nay gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng có nhu cầu tư vấn phát hành trái phiếu do NHNN thắt chặt quy định về đầu tư TPDN của các TCTD, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. Chính phủ ban hành Nghị định 65 sửa đổi Nghị định 153 quy định chặt chẽ hơn đối với việc PHTP riêng lẻ. Ngoài ra, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều bất lợi khi nhiều TCTD không thanh toán được tiền gốc và lãi trái phiếu theo đó làm mất niềm tin của NĐT mua trái phiếu.

Đối với các mảng tư vấn truyền thống: Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư mới thay đổi còn nhiều vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành hợp đồng tư vấn để thu phí về cho Công ty và việc một số quyết định tái cơ cấu doanh nghiệp hiện đã hết hiệu lực và đang trình các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án tái cơ cấu mới gây ảnh hưởng đến hoạt động tư vấn chuyển nhượng vốn Nhà nước.

Kết thúc năm 2023, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của toàn Công ty đạt gần 7,856 tỷ đồng (chủ yếu là doanh thu từ các hợp đồng Tư vấn tài chính doanh nghiệp), trong đó doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đạt 5,534 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành chứng khoán đạt 2,322 tỷ đồng.

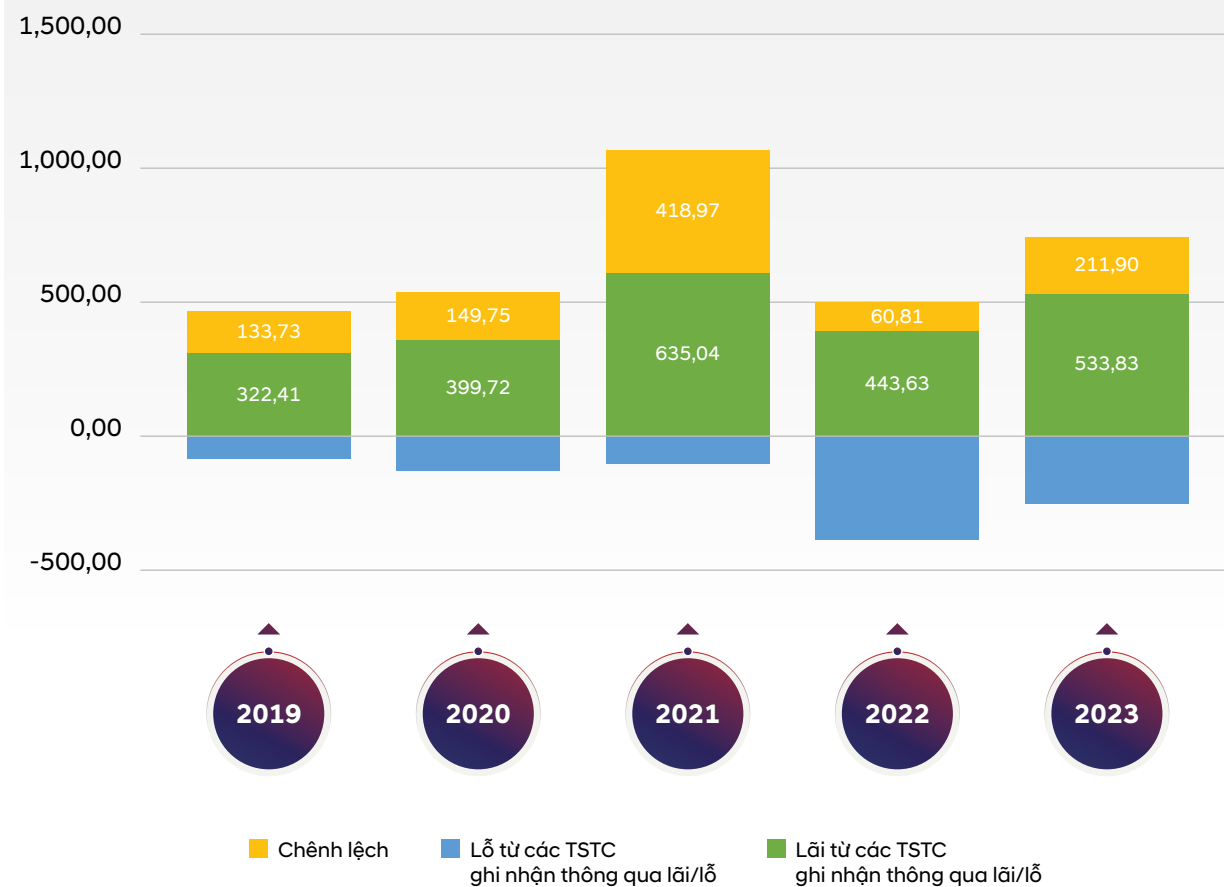
Tổng cộng trong năm 2023, Công ty đã ký mới được 40 hợp đồng tư vấn TCDN và đại lý phát hành, số hợp đồng hoàn thành là 43 hợp đồng (gồm 28 hợp đồng tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu và 15 hợp đồng tư vấn truyền thống).

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Hoạt động của mảng Tự doanh và BLPH của VietinBank Securities trong năm 2023 đã tận dụng được cơ hội thị trường và của các cổ phiếu và đã ghi nhận được kết quả ấn tượng trong năm 2023. Cụ thể, doanh thu hoạt động mảng Tự doanh và BLPH năm 2023 (Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)) đạt 533,83 tỷ đồng, tăng 20,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận (Chênh lệch giữa Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ) đạt 211,9 tỷ đồng, tăng 248,5% so với cùng kỳ.



CHÊNH LỆCH GIỮA LÃI/LỖ TỪ CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ (2019-2023)



Năm 2023, hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của VietinBank Securities tiếp tục duy trì mở rộng khi thực hiện đầu tư mới 400 tỷ đồng (tăng 9,7% so với năm 2022), giá trị danh mục tại 31/12/2023 đạt 494,6 tỷ đồng (giảm 5,2% so với đầu năm). Lãi từ hoạt động đầu tư kinh doanh trái phiếu đạt 71,4 tỷ đồng, giảm 15,4 tỷ đồng giảm 17,7% so với năm 2022.

Hoạt động kinh doanh vốn



Năm 2023, thị trường tài chính trong và ngoài nước còn nhiều khó khăn khi Fed tiếp tục tăng lãi suất trong những tháng đầu năm và liên tục duy trì lãi suất ở mức cao. Vì vậy, nhiệm vụ chính của hoạt động Kinh doanh vốn của Công ty trong năm 2023 là tìm kiếm nguồn vốn với chi phí hợp lý và đảm bảo thanh khoản phục vụ cho hoạt động kinh của Công ty.

Công ty tiếp tục tìm kiếm, đàm phán mở rộng quan hệ với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước và doanh nghiệp. Tập trung vào nguồn vốn giá rẻ để tối ưu hóa chi phí vốn, đồng thời thanh khoản của Công ty tiếp tục được cải thiện, duy trì ổn định và là tiền đề quan trọng để mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu của Công

ty. Tính đến hết năm 2023, Công ty đã có quan hệ tín dụng với gần 30 ngân hàng/tổ chức trong và ngoài nước. Tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp đến 31/12/2023 quy đổi ra VND là gần 14.000 tỷ đồng.

Song hành với mảng phát triển hạn mức tín dụng, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư vào lớp tài sản thu nhập cố định nhằm tối ưu hóa nguồn vốn, đa dạng hóa danh mục tài sản và góp phần gia tăng lợi nhuận. Cụ thể, Công ty thực hiện đầu tư chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và hoạt động đầu tư hợp đồng tiền gửi. Kết thúc năm 2023 lợi nhuận hoạt động đầu tư kinh doanh vốn của Công ty đạt hơn 48 tỷ đồng lợi nhuận.



Công tác quản trị rủi ro

Song song với các hoạt động kinh doanh, hoạt động Quản trị rủi ro luôn được Ban lãnh đạo trú trọng: Năm 2023, Công ty đã thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn được xem xét song hành cùng hoạt động kinh doanh, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm hoặc các các công việc đột xuất, Ban Lãnh đạo cùng các tuyến kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp, rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ dự kiến triển khai ... để đưa ra các cảnh báo, biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Trong năm 2023 Công ty tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm bổ sung, xây dựng và kiện toàn cơ cấu nhân sự cho hoạt động của các phòng/ban. Triển khai chương trình phát triển đội ngũ Nhân sự lõi (Keystaff) nhằm đào tạo phát triển năng cao năng lực lõi của bản thân và năng lực lãnh đạo của cán bộ.

Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá đúng năng lực, đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức lương năm 2023 đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân viên Công ty và cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.

Công tác an sinh xã hội

Trong năm 2023, VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội cụ thể như sau:



Công ty đã phối hợp cùng Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Hà Nội tổ chức Hội chợ xuân 0 đồng năm 2023 tại Bệnh viện Châm cứu Trung ương nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 2023, qua đó trao những phần quà Tết tới tận tay những người bệnh và gia đình người bệnh điều trị tại Bệnh viện.



Công ty đã đóng góp và cùng các đơn vị Đoàn cơ sở, Chi đoàn khác trong hệ thống, cũng như Đoàn Khối DNTW tại Bắc Kạn, tổ chức khánh thành và bàn giao Công trình thanh niên cấp Đoàn khối Doanh nghiệp Trung ương năm 2023: Công trình xây dựng mới 02 lớp học tại trường mầm non Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.



Cán bộ, người lao động trong Công ty đã tham gia Ngày hội hiến máu tình nguyện "VietinBank - Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống" chào mừng kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1988 - 2023).

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- ▶ Hoạt động kinh doanh duy trì ổn định và tăng trưởng; với doanh thu và lợi nhuận năm 2023 đều ghi nhận tăng trưởng mạnh so với năm 2022; tối ưu được các chi phí phát sinh. Trong đó, hoạt động Tự doanh ghi nhận doanh thu và lợi nhuận tăng vượt trội, vượt kế hoạch được giao năm 2023.
- ▶ Hoàn thiện và bổ sung hệ thống văn bản về cơ chế, quy chế quản trị, quy trình nghiệp vụ. Cập nhật liên tục các quy định, sửa đổi hiện hành của pháp luật, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hoạt động kinh doanh.
- ▶ Xây dựng gói sản phẩm mới Tư vấn đăng ký tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối thiểu của các công ty đại chúng trên toàn quốc với 883 thư chào dịch vụ đã được gửi tới các công ty đại chúng, xây dựng phát triển các gói sản phẩm dịch vụ tư vấn mới để tăng quy mô doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- ▶ Chính thức triển khai Dự án trái phiếu riêng lẻ với thời gian hoàn thành ngắn (T4/2023 bắt đầu nhận thông tin và T11/2023 triển khai); tham gia tuân thủ đầy đủ các đợt test của các Sở để triển khai dự án KRX.
- ▶ Công tác quản lý, quản trị rủi ro được tăng cường giám sát và mang lại hiệu quả tốt, giảm thiểu các rủi ro cho công ty khi thị trường có biến động phức tạp.
- ▶ Tình hình lao động ổn định, bộ máy nhân sự được kiện toàn, công tác tuyển dụng có sự giám sát chặt chẽ, đảm bảo sắp xếp và phân công lao động phù hợp với yêu cầu và trình độ. Kiện toàn bộ nhân sự ban Tổng giám đốc, Ban điều hành tại các chi nhánh và các vị trí Lãnh đạo cấp phòng tại Trụ sở chính.
- ▶ Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của công ty và các chỉ đạo của VietinBank. Đảm bảo tốt thanh khoản và các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2023 tăng so với năm 2022 (bằng 167,9%), trong đó: Tài sản ngắn hạn đạt 8.346 tỷ đồng (bằng 168,21% năm 2022; Tài sản dài hạn đạt 110,6 tỷ đồng, bằng 147,25% so với năm 2022.

Tài sản tài chính (không gồm tiền và tương đương tiền) vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2023 của Công ty (83,3%), trong đó chủ yếu là Đầu tư tài chính ngắn hạn: 4.180 tỷ đồng (chiếm 50,09% tài sản ngắn hạn), bằng 134,48% so với năm 2022.

Các khoản cho vay (gồm cho vay margin và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán) tại 31/12/2023 đạt mức 2.777 tỷ đồng (chiếm 33,27% tài sản ngắn hạn). Như vậy dư nợ cho vay của Công ty năm 2023 tăng so với năm 2022 bằng 183,87%.

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty tại 31/12/2023 là 969 tỷ đồng, bằng 511,06% so với cuối năm 2022, trong đó tăng chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn (tại 31/12/2022 là 64 tỷ đồng, trong khi đó tại ngày 31/12/2023 là hơn 561 tỷ đồng).

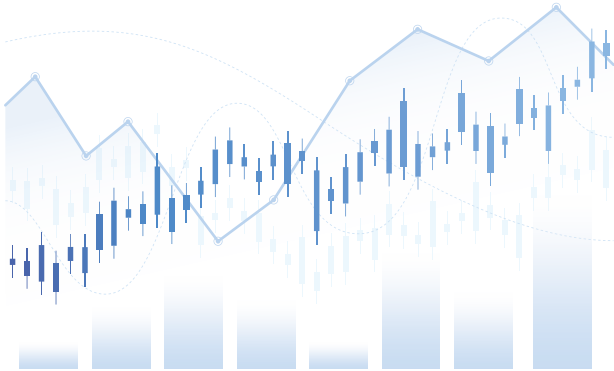
Ngoài các khoản mục nêu trên, trong tài sản ngắn hạn năm 2023 của Công ty, Tiền và các khoản tương đương tiền đạt hơn 425 tỷ đồng, bằng 268,31% so với năm trước.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ % năm 2023 so với 2022
I	Tổng tài sản	5.036.970	8.457.053	167,9%
A	Tài sản ngắn hạn	4.961.836	8.346.416	168,21%
1	Tài sản tài chính	4.950.488	8.336.785	168,4%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	158.347	424.853	268,31%
+	Tiền	126.347	424.853	336,26%
+	Các khoản tương đương tiền	32.000	-	-
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.218.803	4.588.534	142,55%
+	Đầu tư tiền gửi trên 03 tháng	1.138.332	2.110.611	185,41%
+	Cổ phiếu chưa niêm yết	425.003	307.119	72,26%
+	Trái phiếu chưa niêm yết	521.600	494.600	94,82%
+	Cổ phiếu niêm yết	542.543	882.569	162,67%
+	Trái phiếu niêm yết	231.018	285.486	123,58%
+	Đầu tư ngắn hạn khác	360.308	508.149	141,03%
1.3	Các khoản cho vay	1.510.162	2.776.803	183,87%
1.4	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	(4.810)	(4.810)	100%
1.5	Tài sản tài chính ngắn hạn khác	67.986	551.406	811,06%
	Trong đó:			
+	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(996)	(16.265)	1633,78%
2	Tài sản ngắn hạn khác	11.347	9.631	84,87%
B	Tài sản dài hạn	75.135	110.637	147,25%

Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2023, tổng dư nợ ngắn hạn của Công ty là 6.255 tỷ đồng (bằng 203% so với cuối năm 2022), trong đó: dư nợ bằng VND đạt 6.014 tỷ đồng, dư nợ bằng USD là 10 triệu USD. Để giảm thiểu rủi ro khoản vay bằng USD được Công ty thực hiện biện pháp bảo hiểm rủi ro tỷ giá. Trong năm 2023 Công ty không phát sinh vay dài hạn và không có nợ quá hạn.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, Công ty đã thành lập thêm Phòng Giao dịch Bà Triệu để mở rộng hoạt động Môi giới và tư vấn đầu tư, tăng thị phần trên thị trường chứng khoán.

Chính sách quản lý trọng dụng người có tài, có đức, đào tạo để trở thành những cán bộ nguồn cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Năm qua, Công ty đã

tổ chức hàng chục khóa đào tạo nội bộ về chuyên môn cũng như kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ. Ngoài ra còn hỗ trợ học phí cho cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tại UBCK.

Chú trọng quan tâm đời sống và phúc lợi cho cán bộ nhân viên như mua bảo hiểm, các giải thưởng khuyến khích thi đua trong các phòng/ban.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Bước sang năm 2024, Công ty định hướng sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy các kết quả công ty đã đạt được trong năm 2023. Ngoài ra, Công ty cũng xác định sẽ tập trung duy trì và đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục tăng trưởng thị phần mảng môi giới chứng khoán, và tăng cường cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiền bán... trên cơ sở hoàn thiện hạ tầng công nghệ phục vụ giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn phục vụ khách hàng.

Tập trung phát triển khai thác sâu mảng tư vấn dịch vụ đối với tệp khách hàng của VietinBank, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn cổ phần hóa, tận dụng bán chéo đa kênh với VietinBank.

Đẩy mạnh các mảng hoạt động đầu tư kinh doanh vốn, tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất.

Tìm kiếm các cơ hội phù hợp để cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao, đa dạng hoá danh mục trái phiếu nhằm tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Tiếp tục xây dựng và khẳng định thương hiệu của Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường, cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề “phát triển bền vững” đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động

Huy động vốn cho nền kinh tế

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả

Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư

Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính

Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp

Tạo điều kiện phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty thực hiện các biện pháp tiết kiệm chống lãng phí, bao gồm tiết kiệm năng lượng tiêu thụ, tiết kiệm chi phí quản lý công cụ và tiết kiệm và sử dụng lao động hiệu quả. Công ty khuyến khích CBNV sử dụng điện, nước tiết kiệm tại văn phòng; mức tiêu thụ điện, nước được theo dõi chặt chẽ.

Bên cạnh đó Công ty vẫn tiếp tục và duy trì việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn báo cáo hiện trạng và quản lý số liệu quan trắc môi trường. Định kỳ hằng năm, VietinBank Securities ký kết các hợp đồng dịch vụ với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải và quan trắc môi trường lao động định kỳ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các tòa trụ sở theo quy định của pháp luật.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đặc biệt là về kỹ năng chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV phát triển toàn diện về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc đảm nhận.

Ngoài ra, VietinBank Securities luôn đảm bảo các chính sách lương, thưởng; chế độ bảo hiểm xã hội; chế độ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2023, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

Với mong muốn đem lại hương vị ngày Tết, động viên và sẻ chia với những người bệnh và gia đình người bệnh, Công ty đã phối hợp cùng Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Hà Nội tổ chức Hội chợ xuân 0 đồng năm 2023 tại Bệnh viện Châm cứu Trung ương nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 2023, qua đó trao những phần quà Tết tới tận tay những người bệnh và gia đình người bệnh điều trị tại Bệnh viện.



Trong tháng 2/2023, theo chủ trương của Đoàn thanh niên Ngân hàng Công thương về việc triển khai Chương trình Về nguồn & Phát động tháng Thanh niên, Công ty cũng đã đóng góp và cùng các đơn vị Đoàn cơ sở, Chi đoàn khác trong hệ thống, cũng như Đoàn Khối DNTW tại Bắc Kạn, tổ chức khánh thành và bàn giao Công trình thanh niên cấp Đoàn khối Doanh nghiệp Trung ương năm 2023: Công trình xây dựng mới 02 lớp học tại trường mầm non Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Nhân dịp 30/04- 01/5/2023, Công ty đã phối hợp cùng Chi đoàn Ban Tuyên giáo Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thực hiện Chương trình Kỷ niệm 48 năm Ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (30/04/1975 - 30/04/2023) và kỷ niệm 137 năm Ngày Quốc tế lao động (01/5/1886 - 01/5/2023) tại tỉnh Hà Nam, đồng thời thông qua đó, thăm hỏi, tặng quà các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và trao các suất quà, học bổng tới các gia đình trên địa bàn tỉnh.

Theo Kế hoạch của Ban Thường vụ Đoàn VietinBank về việc Tổ chức Ngày hội hiến máu tình nguyện "VietinBank - Trao giọt máu hồng, sẻ chia sự sống" chào mừng kỷ niệm 35 năm Ngày thành lập Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1988 - 2023), đồng đạo cán bộ, người lao động trong Công ty đã tham gia hiến máu, góp phần tăng nguồn dự trữ máu phục vụ cấp cứu, điều trị cho người bệnh, qua đó, cũng giúp lan tỏa những giá trị tốt đẹp, phát huy truyền thống "Tương thân tương ái" của dân tộc Việt Nam, thể hiện nét đẹp văn hóa, phẩm chất của cán bộ, nhân viên và người lao động VietinBank.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội



Kết thúc năm 2023, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty đạt 1.149,93 tỷ đồng, tăng 31,25% so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 của Công ty đạt 230,872 tỷ đồng, tăng 193,01 % so với năm 2022, hoàn thành 100,04% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đã được ĐHCĐ giao, trong đó, lợi nhuận đã thực hiện là 338,893 tỷ đồng, tăng 61,43% so với năm 2022. Cụ thể, HĐQT đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty năm 2023 như sau:

Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán và kinh doanh vốn

Về hoạt động đầu tư tự doanh

Năm 2023 hoạt động đầu tư tự doanh cổ phiếu của Công ty đã đạt những kết quả ấn tượng với doanh thu lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đạt 533,828 tỷ đồng cả năm, tăng 20,33% so với năm 2022; doanh thu lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán đạt 72,374 tỷ đồng, tăng 416,96% so với cùng kỳ. Trong năm, cùng với việc bám sát diễn biến thị trường để triển khai hoạt động đầu tư kinh doanh cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch, Công ty cũng đã thực hiện bán thành công 4.700.000 cổ phần CTCP ô tô Trường Hải (THA) trong danh mục cổ phiếu OTC với tổng giá trị bán là 141 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 116,9 tỷ đồng so với giá vốn đầu tư. Hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của VietinBank Securities năm 2023 cũng tiếp tục được duy trì với giá trị danh mục tại 31/12/2023 đạt 494,6 tỷ đồng (giảm nhẹ 5,2% so với đầu năm).



Về hoạt động kinh doanh vốn

Năm 2023, thị trường tài chính trong và ngoài nước còn nhiều khó khăn khi Fed tiếp tục tăng lãi suất trong những tháng đầu năm và liên tục duy trì lãi suất ở mức cao. Vì vậy, nhiệm vụ chính của hoạt động Kinh doanh vốn của Công ty trong năm 2023 là tìm kiếm nguồn vốn với chi phí hợp lý và đảm bảo thanh khoản phục vụ cho hoạt động kinh của Công ty. Tính đến hết năm 2023, Công ty đã có quan hệ tín dụng với gần 30 ngân hàng/tổ chức trong và ngoài nước; Tổng hạn mức tín dụng, vay vốn và bảo lãnh được cấp đến 31/12/2023 quy đổi ra VND là gần 14.000 tỷ đồng.

Hoạt động môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán

Nhìn chung, trong năm 2023, Công ty đã nỗ lực và tích cực đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, tuy nhiên trong bối cảnh giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường trong năm 2023 giảm 11,2%, doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới toàn Công ty đã giảm 3,89% so với cùng kỳ năm 2022 (đạt mức 97,35 tỷ đồng). Thị phần môi giới của Công ty tính chung cả năm 2023 đạt 0,76%, tăng so với mức 0,67% của năm 2022. Lũy kế cả năm 2023, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường được mở mới của Công ty ghi nhận 2.496 tài khoản, giảm 28,52% so với năm 2022, số lượng tài khoản giao dịch ký quỹ được mở mới là 795 tài khoản, tăng 11,66% so với năm 2022.

Về hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: Dư nợ Margin cuối năm 2023 toàn Công ty đạt 2.722,12 tỷ đồng, tăng mạnh 85,60% so với cùng kỳ. Trong năm, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ giới hạn Dư nợ Margin không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tổng doanh thu từ tiền lãi margin thu được trong năm 2023 của Công ty là 242,502 tỷ đồng, tăng 34,34% so với năm 2022.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành chứng khoán

Năm 2023 vẫn tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của toàn Công ty đến từ những thông tin tiêu cực của thị trường cùng với bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023 suy giảm. Theo đó, doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành trái phiếu đạt 7,856 tỷ đồng, bằng 49% so với năm 2022.



Các hoạt động hỗ trợ và quản trị rủi ro

Hoạt động nghiên cứu phân tích, phát triển sản phẩm

Trong năm 2023, hoạt động nghiên cứu phân tích và phát triển sản phẩm của Công ty đã cung cấp được nhiều bản tin khuyến nghị bổ ích tới nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo chuyên sâu mang tính chất định hướng, hỗ trợ cho mảng nghiệp vụ môi giới chứng khoán và các phòng ban nghiệp vụ khác trong nội bộ. Bên cạnh đó, để kích cầu khách hàng mở tài khoản và kích hoạt lại các tài khoản đã dừng giao dịch, trong năm Công ty đã triển khai các chương trình như miễn lãi T+5, áp dụng chính sách lãi suất ưu đãi cho khách hàng mở mới tài khoản giao dịch ký quỹ trong 03 tháng, ưu đãi phí giao dịch cho khách hàng mở mới và cán bộ nhân viên,... qua đó, thu hút được khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty.

Hoạt động công nghệ thông tin

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng trong việc đầu tư hệ thống máy chủ đáp ứng yêu cầu về phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả giám sát và tăng cường khả năng xử lý đảm bảo quá trình vận hành phục vụ cho các ứng dụng mới nhất với tốc độ cao, đem lại trải nghiệm tốt cho người sử dụng cũng như khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện ưu tiên nguồn lực với định hướng phát triển chuyển đổi số thông qua các giải pháp triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng tính cạnh tranh trên thị trường chứng khoán; tích cực nâng cao hiệu quả hỗ trợ cho các Đơn vị nội bộ trong quá trình vận hành, xử lý nghiệp vụ.

Công tác quản lý kế toán, tài chính

Hoạt động quản lý tài chính kế toán của Công ty năm 2023 tiếp tục có được sự phối hợp chặt chẽ giữa các Đơn vị nội bộ trong việc theo dõi, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch các khoản mục tài sản, nguồn vốn, tình hình đầu tư kinh doanh của Công ty cũng như số dư tiền gửi của khách hàng giao dịch chứng khoán theo chế độ quy định. Công tác kế toán tài chính trong năm 2023 cũng đã hỗ trợ, phối hợp khá chặt chẽ với các Đơn vị nội bộ thực hiện điều tiết, cân đối vốn, đảm bảo thanh khoản an toàn, ổn định và đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Năm 2023, Công ty đã thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn được xem xét song hành cùng hoạt động kinh doanh, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm hoặc các công việc đột xuất, Ban Lãnh đạo cùng các tuyến kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp, rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ dự kiến triển khai ... để đưa ra các cảnh báo, biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Trong năm 2023 Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm bổ sung, xây dựng và kiện toàn cơ cấu nhân sự cho hoạt động của các phòng/ban. Triển khai chương trình phát triển đội ngũ Nhân sự lõi (Keystaff) nhằm đào tạo phát triển nâng cao năng lực lõi của bản thân và năng lực lãnh đạo của cán bộ.

Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá sát năng lực và sự đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty và tiếp tục được nghiên cứu đổi mới để có thể cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.



Công tác hành chính quản trị

Trong năm 2023, công tác hành chính quản trị tiếp tục đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động của Công ty. Sau khi được ĐHCĐ thông qua về việc thay đổi địa chỉ Trụ sở chính Công ty, ngày 01/08/2023, Công ty đã nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán cấp với địa chỉ Trụ sở chính mới là: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Theo đó, để tối ưu phạm vi hoạt động của Công ty, ngày 06/11/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định thành lập Phòng giao dịch Bà Triệu trực thuộc Trụ sở chính Công ty với những chức năng, nhiệm vụ phù hợp với chiến lược phát triển và định hướng kinh doanh của Công ty.

Về hệ thống máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong năm 2023 cũng được Công ty quan tâm đầu tư nâng cấp, thực hiện bảo hành, bảo dưỡng định kỳ. Năm 2023, Công ty không để xảy ra các sự cố về an ninh, phòng chống cháy nổ.

Tăng cường quản trị rủi ro

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tại Công ty năm 2023 tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc rà soát, phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và tư vấn kịp thời cho Ban Lãnh đạo để đưa ra các quyết định trong quản trị điều hành và triển khai hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, an toàn và theo quy định của pháp luật.

Công tác an sinh xã hội

Năm 2023, VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa. Trong năm 2023, thông qua hoạt động của Ban chấp hành Đoàn thanh niên, Công ty đã tổ chức và tham gia chuỗi các hoạt động từ thiện chi tiết theo Phần III của Báo cáo này. Ngoài ra, Công ty đã và đang nỗ lực khởi xướng và đóng góp vào các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tác động lâu dài cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty thông qua các quyết nghị, chỉ đạo cụ thể đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/bất thường khi có phát sinh và trong các trường hợp cho ý kiến bằng văn bản, đồng thời giám sát qua các kênh như qua cơ chế báo cáo của Tổng Giám đốc lên HĐQT, qua hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, ...

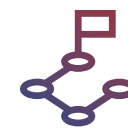


Thông qua hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các nội dung định hướng, chỉ đạo của HĐQT và các công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao trên cơ sở quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành. Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trình HĐQT thông qua, trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ kinh doanh cụ thể tới từng đơn vị liên quan để triển khai và thực hiện báo cáo HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định.

Tại các phiên họp định kỳ của HĐQT, Tổng Giám đốc đã thực hiện báo cáo về các mảng hoạt động của Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh trong thời gian tiếp theo. Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện việc báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; báo cáo theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 giao. Các thành viên trong Ban Điều hành đã phát huy tinh thần gương mẫu, trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, lan toả văn hoá doanh nghiệp và gắn kết người lao động trong các hoạt động của Công ty.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Trên cơ sở những nhận định về thị trường chứng khoán năm 2024, Công ty đặt mục tiêu tất cả các mảng hoạt động kinh doanh trong năm 2024 sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi phù hợp với xu hướng và nhận định thị trường, duy trì và tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty, cụ thể như sau:

Hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành

Năm 2024, Công ty định hướng tiếp tục cân đối tỷ trọng hoạt động đầu tư trong cơ cấu doanh thu Công ty tùy theo thời điểm của thị trường, đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận, giảm bớt tác động của thị trường tới hoạt động kinh doanh. Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu: Công ty dự kiến tìm kiếm, lựa chọn trái phiếu phát hành ra công chúng, trái phiếu của các doanh nghiệp lớn, có tình hình tài chính/dòng tiền tốt, tài sản bảo đảm có giá trị đồng thời phải đáp ứng các điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật; Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục khai thác tối ưu lợi thế về thông tin, dữ liệu tệp khách hàng trong hệ sinh thái VietinBank để lựa chọn doanh nghiệp đầu tư phù hợp, chủ động quản lý, kiểm soát dòng tiền/tài sản bảo đảm và nâng cao hiệu quả khoản đầu tư. Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu: Công ty sẽ bám sát tình hình thị trường nhằm chủ động, linh hoạt trong danh mục đầu tư nhằm hiện thực hóa và gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

Hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ

Trong năm 2024, Công ty định hướng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán với ưu tiên hàng đầu là mục tiêu tăng trưởng thị phần với một số giải pháp như: tiếp tục đẩy mạnh khai thác hệ sinh thái VietinBank để phát triển khách hàng; phát triển và mở rộng đội ngũ Cộng tác viên với chính sách linh hoạt và cạnh tranh; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ thông qua việc duy trì và gia tăng dư nợ đối với các khách hàng hiện tại, đồng thời tìm kiếm, sàng lọc và phát triển khách hàng mới; tăng cường xây dựng, cập nhật các chương trình ưu đãi, thiết kế các sản phẩm dịch vụ có tính xu hướng, linh hoạt phù hợp với từng đối tượng/khu vực khách hàng nhằm thu hút giao dịch gia tăng thị phần; ưu tiên đầu tư công nghệ để mang tới những trải nghiệm tốt hơn và nâng cao chất lượng, gia tăng tần suất tư vấn, khuyến nghị, bản tin, các báo cáo phân tích nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư cho khách hàng,...

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Năm 2024, Công ty định hướng tiếp tục chuẩn hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp một cách toàn diện, chủ động triển khai các giải pháp với nỗ lực cao để tìm kiếm khách hàng, đồng thời tiếp tục tập trung khai thác lợi thế từ hệ sinh thái VietinBank, phát triển nhóm cán bộ chuyên trách để bán chéo sản phẩm dịch vụ tại các Chi nhánh VietinBank, phối hợp đào tạo, giới thiệu tới khách hàng tại các khu vực tiềm năng về sản phẩm, dịch vụ tư vấn,... qua đó thực hiện mục tiêu cải thiện và gia tăng doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của toàn Công ty.

Hoạt động kinh doanh vốn

Đối với hoạt động kinh doanh vốn năm 2024, Công ty đặt ra mục tiêu đảm bảo thanh khoản ổn định, vững chắc và chủ động về nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường kết nối và mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước để gia tăng hạn mức, đồng thời tìm kiếm các nguồn vay mới với định hướng tối ưu hóa chi phí vốn cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng dự kiến sẽ đẩy mạnh hoạt động giao dịch giấy tờ có giá do VietinBank cũng như một số định chế tài chính uy tín trên thị trường phát hành nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Các hoạt động khác

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, quản trị rủi ro nhằm thực hiện đánh giá, nhận diện, đo lường và đưa ra giải pháp xử lý đối với những nguy cơ rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong bối cảnh thị trường biến động nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực để xây dựng nguồn cán bộ chất lượng, có năng lực làm nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của Công ty

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán



Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 5 thành viên, đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cơ cấu thành viên HĐQT Công ty đáp ứng yêu cầu có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và có 01 thành viên độc lập HĐQT để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.



Ông TRẦN PHÚC VINH

Chủ tịch

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các Công ty khác: **Không**



Ông VŨ ĐỨC MẠNH

Thành viên

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các Công ty khác: **Không**



Ông ĐẶNG ANH HÀO

Thành viên

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các Công ty khác: **Không**



Bà NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Thành viên độc lập

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các Công ty khác: **Không**



Bà HỒ THỊ THU HIỀN

Thành viên

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: **0**

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

**Trưởng phòng Thị trường vốn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

**Thành viên HĐQT
CTCP Thông tin tín dụng Việt Nam**

**Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 02 (hai) thành viên là Ông Trần Phúc Vinh Chủ tịch HĐQT, Bà Hồ Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT và 01 (một) thành viên độc lập HĐQT là Bà Nguyễn Thị Thu Hằng. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 02 (hai) thành viên không điều hành và 01 (một) thành viên độc lập HĐQT đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HĐQT đã:



Duy trì cơ cấu hoạt động của HĐQT Công ty (trong đó tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) để đảm bảo đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT và tuân thủ quy định của Pháp luật.

Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các mảng hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ của Công ty.



Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do Hội đồng quản trị giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT đã xác định các mục tiêu hoạt động, phê duyệt việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh cho các Đơn vị và giám sát việc triển khai thực hiện để hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 19 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của 100% Thành viên HĐQT (trong đó đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh), qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao.



Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT tích cực thảo luận, phản biện, đánh giá. Các nội dung phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT cũng đã được Chủ tịch HĐQT tổ chức họp để lấy ý kiến các Thành viên HĐQT đầy đủ theo quy định.



Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản khi phát sinh các trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ĐHCĐ phê duyệt ban hành.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
01	Ông Trần Phúc Vinh	19/19	100%	Không có
02	Ông Vũ Đức Mạnh	19/19	100%	Không có
03	Ông Đặng Anh Hào	19/19	100%	Không có
04	Bà Hồ Thị Thu Hiền	19/19	100%	Không có
05	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	19/19	100%	Không có

(Không bao gồm các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản)

Nội dung các cuộc họp HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	07/2023/NQ-HĐQT-CKCT	12/01/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 01/2023	100%
02	07A/2023/NQ-HĐQT-CKCT	12/01/2023	Đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 của các Đơn vị	100%
03	14/2023/NQ-HĐQT-CKCT	27/01/2023	Đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 đối với cán bộ	100%
04	25/2023/NQ-HĐQT-CKCT	24/02/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 02/2023	100%
05	40/2023/NQ-HĐQT-CKCT	24/03/2023	Thông qua Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty và các vấn đề liên quan	100%
06	41/2023/NQ-HĐQT-CKCT	24/03/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 03/2023	100%
07	68A/2023/NQ-HĐQT-CKCT	28/04/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 04/2023	100%
08	91/2023/NQ-HĐQT-CKCT	31/05/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 05/2023	100%
09	105/2023/NQ-HĐQT-CKCT	27/06/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 06/2023	100%
10	118/2023/NQ-HĐQT-CKCT	11/07/2023	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	100%
11	125/2023/NQ-HĐQT-CKCT	26/07/2023	Thành lập Trung tâm dữ liệu độc lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100%
12	125A/2023/NQ-HĐQT-CKCT	27/07/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 07/2023	100%
13	128/2023/NQ-HĐQT-CKCT	01/08/2023	Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty	100%
14	132/2023/NQ-HĐQT-CKCT	08/08/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 08/2023	100%
15	141/2023/NQ-HĐQT-CKCT	21/08/2023	Tạm hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	100%
16	160/2023/NQ-HĐQT-CKCT	20/09/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 09/2023	100%
17	181/2023/NQ-HĐQT-CKCT	20/10/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 10/2023	100%
18	201/2023/NQ-HĐQT-CKCT	15/11/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 11/2023	100%
19	221/2023/NQ-HĐQT-CKCT	14/12/2023	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 12/2023	100%

Hoạt động của thành viên
Hội đồng quản trị độc lập.
Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:
(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc
Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các
cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung
và kết quả của các cuộc họp)

HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HĐQT đã:

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập được phân công phụ trách xây dựng công tác văn hóa doanh nghiệp, xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng bản đồ chính sách của Công ty. Trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện triển khai 04 khóa đào tạo phối hợp cùng Trường Đào tạo và PTNNL VietinBank, cụ thể như sau:



- Kỹ năng đàm phán và thương lượng chuyên nghiệp
- Chương trình đào tạo tập trung dành cho NextGen
- Năng lực huấn luyện phát triển đội ngũ
- Đào tạo phương pháp bán hàng cho Tư vấn viên

Ngoài việc tham gia các lớp đào tạo trực tiếp cùng các giảng viên thì học viên của VietinBank Securities còn học trực tuyến tại hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường đào tạo &PTNNL VietinBank.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

Thành viên và cơ cấu của
Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán



Bà PHAN THỊ THU HẰNG
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày bắt đầu là trưởng
Ban kiểm soát
10/04/2019

Trình độ chuyên môn
Cử nhân kế toán doanh nghiệp



Bà LÂM THỊ THU HƯỜNG
Kiểm soát viên

Ngày bắt đầu là thành viên
Ban kiểm soát
16/06/2014

Trình độ chuyên môn
Cử nhân tài chính ngân hàng



Bà TRẦN THỊ KIM OANH
Kiểm soát viên

Ngày bắt đầu là trưởng
Ban kiểm soát
10/01/2022

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ kinh tế

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết và các chứng khoán do Công ty phát hành: 0

Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
01	Bà Phan Thị Thu Hằng	04/04	100%	100%	-
02	Bà Lâm Thị Thu Hường	04/04	100%	100%	-
03	Bà Trần Thị Kim Oanh	04/04	100%	100%	-

NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ với sự tham gia của đầy đủ các Kiểm soát viên nhằm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban kiểm soát.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

Trong năm 2023, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức & hoạt động của BKS. Nhìn chung, hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, triển khai theo đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác giám sát của BKS được triển khai thông qua các nội dung chính sau:

Giám sát hoạt động kinh doanh và việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản trị, điều hành, việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thẩm định/soát xét,

Giám sát định kỳ, triển khai các Đoàn kiểm tra trực tiếp rà soát, kiểm tra các hoạt động của Công ty. Đánh giá hiệu quả, hiệu lực hệ thống KTKSNB, KTNB, QLRR và cảnh báo sớm của Công ty.

Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Tư vấn HĐQT/BĐH trong công tác quản trị điều hành, quản lý rủi ro (QLRR).

Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

Giám sát hoạt động kinh doanh (HĐKD), việc tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

BKS đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau:

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cập nhật thông tin, tình hình HĐKD của Công ty, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BDH

BKS thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty. Tại cuộc họp HĐQT, cuộc họp giao ban, BKS đã đưa ra ý kiến, quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, ghi nhận các tồn tại, rủi ro trong HĐKD, công tác quản trị điều hành, QLRR của Công ty, từ đó BKS kiến nghị/khuyến nghị các nội dung cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, tăng cường kiểm soát, BKS đều đưa ra những ý kiến cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo hoạt động của Công ty tăng trưởng an toàn, bền vững.

Rà soát các văn bản chính sách, xem xét Nghị quyết HĐQT

BKS đã phân công cho các thành viên BKS rà soát các Nghị quyết của HĐQT gửi BKS, rà soát một số văn bản chính sách của HĐQT/T-GĐ ban hành mang tính trọng yếu, có tác động toàn diện tới hoạt động Công ty. Kết quả rà soát cho thấy cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT tuân thủ quy định Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, nội dung thông qua phù hợp quy định pháp luật, đúng thẩm quyền và đạt được sự nhất trí của các thành viên HĐQT.

Thẩm định báo cáo tài chính

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, trong năm 2023, BKS đã thành lập Tổ thẩm định BCTC năm 2022 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2023. Thông qua thẩm định, BKS đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC của Công ty.

Rà Soát hợp đồng, giao dịch với người liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2023, BKS đã rà soát các hợp đồng giữa Công ty và người có liên quan của Công ty. Qua rà soát cho thấy việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được HĐQT phê duyệt phù hợp với thẩm quyền và được CBTT theo quy định.

Giám sát định kỳ, thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty

Năm 2023, BKS đã thực hiện công tác rà soát, giám sát định kỳ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty đồng thời thành lập các Đoàn để kiểm tra trực tiếp hoạt động của một số Phòng ban tại Trụ sở chính, rà soát hệ thống VBCS của Công ty. Qua kết quả giám sát định kỳ và kết quả của các Đoàn kiểm tra, BKS đã đánh giá, nhận diện các vấn đề, rủi ro tiềm ẩn, thực hiện kiến nghị HĐQT, BDH chỉ đạo các Đơn vị khắc phục, chỉnh sửa, xử lý các tồn tại theo kiến nghị của các Đoàn kiểm tra/kiểm toán nội/ngoại ngành.

Ngoài ra, qua kết quả giám sát, kiểm tra, BKS cũng thực hiện đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty để đưa ra các kiến nghị/khuyến nghị thực hiện cũng như các lưu ý mang tính tư vấn cho HĐQT/BĐH để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

BKS tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty theo thư mời, về cơ bản các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BDH khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời được gửi cho BKS.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trao đổi thông tin trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty.

Các thành viên HĐQT, BDH và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.

Trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, BKS đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn trong hoạt động của Công ty. HĐQT, BDH đã xem xét, chỉ đạo cá nhân, đơn vị liên quan triển khai các nội dung kiến nghị, đề xuất của BKS.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

- Thông qua ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, ý kiến qua email về các hồ sơ xin ý kiến của BDH gửi HĐQT, BKS đã có những khuyến nghị, lưu ý cụ thể mang tính chất tư vấn về công tác quản trị điều hành, QLRR, hỗ trợ HĐQT, BDH có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định.
- BKS cũng đã tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định đối với các hoạt động của Công ty để phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan cũng như thực tế hoạt động của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo, bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực kiểm soát viên để đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích	Ghi chú
I Thành viên Hội đồng quản trị				
1	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch HĐQT	2.035.321.152	
2	Vũ Đức Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.933.189.929	
3	Đặng Anh Hào	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.335.577.612	
4	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	236.798.050	
5	Hà Thu Phương	Thành viên HĐQT	3.848.112	Miễn nhiệm ngày 10/01/2022
6	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập HĐQT	797.600.000	
II Thành viên Ban Kiểm soát				
1	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	996.925.903	
2	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	582.144.509	
3	Trần Thị Kim Oanh	Kiểm soát viên	639.544.712	
III Ban Tổng Giám đốc				
1	Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.219.518.072	
2	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.169.437.061	
3	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.136.075.848	
4	Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	85.317.749	Miễn nhiệm ngày 30/03/2022
IV Cán bộ quản lý khác				
1	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	1.030.188.234	
2	Lê Diệu Thúy	Giám đốc CN Đà Nẵng	854.883.770	
3	Hà Ngọc Hùng	Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh	898.587.394	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2023)		Ghi chú	
			Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 148.738.311 cổ phiếu					
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu		
01	Trần Phúc Vinh	Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0%		
02	Vũ Đức Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0	0%	0	0%		
03	Đặng Anh Hào	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	0	0%	0	0%		
04	Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%		
05	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên DL HĐQT	0	0%	0	0%		
06	Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%	0	0%		
07	Lâm Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	0	0%	0	0%		
08	Trần Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%		
09	Phạm Ngọc Hiệp	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%	0	0%		
10	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%		
11	Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền CBTT	0	0%	0	0%		
12	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng	0	0%	0	0%		
13	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng Bộ phận KTNB	0	0%	0	0%		
14	Tạ Quang Hiếu	Thư ký Công ty, Trợ lý Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0%	Thôi là Thư ký Công ty từ 15/01/2023	
15	Lê Mai Khanh	Người phụ trách quản trị	0	0%	0	0%	Người phụ trách quản trị Công ty từ 01/01/2023	
16	Phạm Thị Thanh Mai	Thư ký	0	0%	0	0%	Thư ký Công ty từ 15/01/2023	

Giao dịch cổ phiếu của cá nhân, tổ chức là người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2023)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ghi chú		
		Trên tổng số cổ phiếu của Công ty: 148.738.311 cổ phiếu							
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu				
01	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)	112.498.833	75,635%	112.498.833	75,635%		Cổ đông lớn sở hữu 75,635% số cổ phiếu có quyền biểu quyết		

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết số:

46/2023/NQ-HĐQT-CKCT ngày 30/03/2023 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - ký kết Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ định giá tài sản bảo đảm).

159/2023/NQ-HĐQT-CKCT ngày 19/09/2023 về việc Phê duyệt việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH Indovina - Giao dịch với người có liên quan.

236/2023/NQ-HĐQT-CKCT ngày 29/12/2023 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý NHTMCP Công thương Việt Nam - ký kết Hợp đồng mua bán sản phẩm).

131/2023/NQ-HĐQT-CKCT ngày 08/08/2023 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý NHTMCP Công thương Việt Nam - ký kết Hợp đồng mua bán sản phẩm).

211/2023/NQ-HĐQT-CKCT ngày 01/12/2023 về việc Giao dịch với người có liên quan (là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Công ty Bảo hiểm VietinBank Đông Đô - ký kết Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe VBI Care).

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT Công ty đã hoạt động một cách tích cực, trách nhiệm đối với triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Rà soát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty tuân thủ quy chế nội của Công ty và theo quy định của Pháp luật, đảm bảo thông tin được truyền tải đến cổ đông minh bạch, chính xác và kịp thời.

Giám sát việc thực hiện tuân thủ các quy chế, quy định trong công tác quản trị công ty, thực hiện ban hành quy chế, quy định về quản trị Công ty khi cần thiết để bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty sẽ:

Giám sát việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật, thực hiện cập nhật



quy định về quản trị công ty phù hợp với tình hình thực tế và các chuẩn mực theo quy định (nếu có).

Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ/bất thường theo đúng quy định, đảm bảo cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Đặng Anh Hào	Thành viên
Ông Vũ Đức Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát	
Bà Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban
Bà Lâm Thị Thu Hường	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Phúc Vinh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.



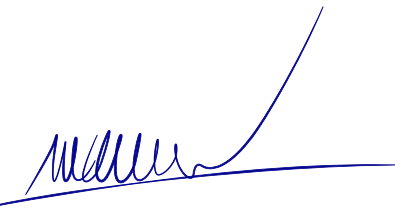
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Mạnh
Tổng Giám đốc



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số: 0565/VN1A-HN-BC

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mai Thị Thúy Loan
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3837-2021-001-1

Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
Tài sản					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		8.346.416.002.003	4.961.835.550.792
I.	Tài sản tài chính	110		8.336.785.005.686	4.950.488.241.639
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	424.853.166.811	158.346.973.110
1.1.	Tiền	111.1		424.853.166.811	126.346.973.110
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	32.000.000.000
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	6	2.037.923.045.990	1.803.505.674.547
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	6	1.782.531.750.000	1.138.331.750.000
4.	Các khoản cho vay	114	6	2.776.802.650.289	1.510.162.481.723
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	6	768.078.947.369	276.965.800.000
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	6	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
7.	Các khoản phải thu	117	7	560.287.434.652	64.010.966.403
7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		367.300.000.000	832.500.000
7.2.	Phải thu, dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		192.987.434.652	63.178.466.403
7.2.1.	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		192.987.434.652	63.178.466.403
8.	Trả trước cho người bán	118		1.695.463.425	1.792.687.120
9.	Phải thu các dịch vụ CTKK cung cấp	119	7	3.202.770.486	2.487.535.347
10.	Các khoản phải thu khác	122		2.484.902.680	690.272.862
11.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(16.264.757.878)	(995.531.335)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		9.630.996.317	11.347.309.153
1.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		8.657.910	9.000.000
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	8.471.949.785	9.146.363.272
3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		48.915.034	50.000.000
4.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		1.096.737.290	681.209.103
5.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	136	16	4.736.298	1.460.736.778
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250)	200		110.636.560.086	75.134.862.193
I.	Tài sản cố định	220		66.627.440.990	41.620.740.897
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	10	33.102.981.815	7.278.412.600
	- Nguyên giá	222		88.473.954.481	58.787.788.379
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(55.370.972.666)	(51.509.375.779)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	11	33.524.459.175	34.342.328.297
	- Nguyên giá	228		75.492.917.896	73.964.667.896
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(41.968.458.721)	(39.622.339.599)
II.	Tài sản dài hạn khác	250		44.009.119.096	33.514.121.296
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		299.160.000	299.160.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	9	13.391.223.549	3.136.521.262
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		218.450.464	-
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	20.000.000.000	20.000.000.000
5.	Tài sản dài hạn khác	255	12	10.100.285.083	10.078.440.034
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		8.457.052.562.089	5.036.970.412.985

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
Tài sản					
NGUỒN VỐN					
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		6.419.118.005.133	3.182.650.568.889
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.393.046.412.863	3.136.567.154.743
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	13	6.255.475.813.301	3.075.099.329.013
1.1	Vay ngắn hạn	312		6.255.475.813.301	3.075.099.329.013
2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	14	39.353.535.487	2.652.417.276
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	19.555.997.915	6.466.342.051
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.047.494.397	1.534.030.013
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	27.017.382.910	5.649.364.048
6.	Phải trả người lao động	323		27.171.364.611	17.532.139.125
7.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	16.696.202.110	19.139.225.776
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		105.528.632	406.660.113
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		2.580.274.905	1.225.847.219
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		4.042.818.595	6.861.800.109
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		26.071.592.270	46.083.414.146
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		457.727.519	1.652.116.437
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	27	25.613.864.751	44.431.297.709
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.037.934.556.956	1.854.319.844.096
I.	Vốn chủ sở hữu	410	18	2.037.934.556.956	1.854.319.844.096
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.493.274.874.053	1.493.274.874.053
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.487.383.110.000	1.487.383.110.000
a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.487.383.110.000	1.487.383.110.000
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		6.150.512.734	6.150.512.734
1.3	Cổ phiếu quỹ	411.5		(258.748.681)	(258.748.681)
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	(11.147.416.000)
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		4.264.647.988	2.504.901.214
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		540.395.034.915	369.687.484.829
4.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	19	457.023.776.649	200.117.529.195
4.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		83.371.258.266	169.569.955.634
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)		440		8.457.052.562.089	5.036.970.412.985

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
A. Tài sản của công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết					
1.	Cổ phiếu đang lưu hành	006	18	1.487.013.490.000	1.487.013.490.000
2.	Cổ phiếu quỹ	007	18	369.620.000	369.620.000
3.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK	008	20.1	826.245.680.000	561.961.580.000
4.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	20.2	1.460.000	1.460.000
5.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	2.000.000.000
6.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	012	20.3	1.757.112.660.000	1.071.049.280.000
7.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	100.000
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng					
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	20.4	23.308.034.465.000	17.777.932.907.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		12.233.699.445.000	11.423.821.842.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.781.600.700.000	1.735.667.990.000
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		3.814.447.330.000	1.955.658.310.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		5.375.945.680.000	2.549.158.910.000
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		102.341.310.000	113.625.855.000
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	20.5	90.941.390.000	93.294.390.000
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		90.941.390.000	93.294.390.000
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	20.6	104.186.550.000	106.300.178.000
4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		12.430.890.000	77.260.000
5.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		18.012.000.000	77.778.300.000

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng					
6.	Tiền gửi của khách hàng	026		984.421.851.584	368.333.518.597
6.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	20.7	792.983.924.882	260.257.162.049
6.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	20.7	130.396.066.737	98.122.105.223
6.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	20.7	56.258.127.013	4.421.614.075
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		53.558.444.913	3.249.295.998
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		2.699.682.100	1.172.318.077
6.4.	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	20.8	4.783.732.952	5.532.637.250
7.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	20.9	979.638.118.632	362.800.881.347
7.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		973.511.527.679	360.264.740.358
7.2.	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.304.925.070	1.693.528.088
7.3.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi Kỳ quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	031.3		2.821.665.883	842.612.901
8.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	20.9	4.783.732.952	5.532.637.250

Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Doanh thu hoạt động					
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		533.828.174.904	443.632.195.011
a.	Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	21.1	273.003.750.495	88.139.742.869
b.	Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	21.2	206.885.404.341	236.905.154.158
c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	21.3	53.939.020.068	118.587.297.984
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	21.3	162.032.721.280	88.501.819.316
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	21.3	253.381.553.614	189.174.189.320
1.4.	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	21.3	72.374.821.001	14.000.180.823
1.5.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		100.344.090.765	101.743.078.582
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		2.321.818.182	9.206.454.545
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		13.946.258.320	18.040.633.884
1.8.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		5.534.272.727	6.808.640.497
1.9.	Thu nhập hoạt động khác	11		467.674.964	1.047.920.655
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+04+06+07+09+10+11)		20		1.144.231.385.757	872.155.112.633
II. Chi phí hoạt động					
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		321.927.879.059	382.825.795.174
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	21.1	6.992.239.928	14.092.087.347
b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	21.2	314.906.839.131	368.038.580.572
c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.3		28.800.000	695.127.255
2.2.	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		15.690.000.000	-
2.3.	Chi phí hoạt động tự doanh	26		10.644.530.499	6.161.565.848
2.4.	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	22	78.229.562.503	66.317.758.193
2.5.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	23	16.750.137.094	13.204.366.204
2.6.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		10.945.893.138	7.497.075.901
2.7.	Chi phí khác	32		(420.773.457)	261.609.092
Cộng chi phí hoạt động (40=21+24+26+27+30+31+32)		40		453.767.228.836	476.268.170.412

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.1.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		3.377.945.091	2.713.619.799
3.2.	Doanh thu khác về đầu tư	44		1.369.596.591	1.172.871.521
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50	24	4.747.541.682	3.886.491.320
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
4.1.	Chi phí lãi vay	52		307.078.262.643	199.975.630.831
4.2.	Chi phí tài chính khác	55		34.716.122.862	31.295.774.553
	Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	25	341.794.385.505	231.271.405.384
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN					
		62	26	123.433.649.749	89.790.225.136
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)					
		70		229.983.663.349	78.711.803.021
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
7.1.	Thu nhập khác	71		951.759.241	92.357.730
7.2.	Chi phí khác	72		63.656.003	10.000.000
	Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		888.103.238	82.357.730
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)					
		90		230.871.766.587	78.794.160.751
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		338.893.201.377	209.927.587.165
8.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(108.021.434.790)	(131.133.426.414)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN					
		100		43.471.142.744	7.726.224.487
9.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	65.293.880.166	33.952.909.770
9.2.	(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	(21.822.737.422)	(26.226.685.283)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)					
		200		187.400.623.843	71.067.936.264
10.1.	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		187.400.623.843	71.067.936.264
XI. LÃI/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN					
		300	29	11.147.416.000	(11.147.416.000)
11.1.	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	302		13.934.270.000	(13.934.270.000)
11.2.	(Lỗ)/Lãi toàn diện khác	304	27	(2.786.854.000)	2.786.854.000
	Tổng thu nhập toàn diện	400		198.548.039.843	59.920.520.264
XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG					
		500		187.400.623.843	71.067.936.264
12.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	28	1.260	377



Lưu Thị Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	230.871.766.587	78.794.160.751
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(121.763.816.599)	(82.401.165.679)
- Khấu hao tài sản cố định	03	6.204.650.835	8.301.850.205
- Các khoản dự phòng	04	15.269.226.543	304.109.092
- Chi phí lãi vay	06	307.078.262.643	199.975.630.831
- Dự thu tiền lãi	08	(450.315.956.620)	(290.982.755.807)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	314.906.839.131	368.038.580.572
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	314.906.839.131	368.038.580.572
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(206.885.404.341)	(236.905.154.158)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(206.885.404.341)	(236.905.154.158)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(3.112.598.383.583)	724.184.405.073
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(342.438.806.233)	(214.729.124.886)
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(644.200.000.000)	999.303.849.500
- Thay đổi các khoản cho vay	33	(1.266.640.168.566)	84.773.935.659
- Thay đổi tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	34	(477.178.877.369)	(130.900.070.000)
- Thay đổi phải thu bán các tài sản tài chính	35	(366.467.500.000)	(832.500.000)
- Thay đổi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	319.519.164.255	303.384.677.390
- Thay đổi các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(715.235.139)	1.729.987.505
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	(610.997.041)	(859.716.350)
- Thay đổi các tài sản khác	40	(21.502.959)	(15.376.708.265)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(6.710.654.904)	349.379.645
- Thay đổi chi phí trả trước	42	(9.580.288.800)	(3.501.426.992)
- Thuế TNDN đã nộp	43	(44.509.945.457)	(68.315.742.245)
- Lãi vay đã trả	44	(302.810.631.405)	(197.184.502.015)
- Thay đổi phải trả cho người bán	45	179.031.544	5.478.705.293
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1.624.556.446	(3.601.333.705)
- Thay đổi phải trả người lao động	48	9.639.225.486	(6.548.587.417)
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	35.235.724.219	(16.662.314.824)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	170.700.000	169.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(17.082.177.660)	(12.493.103.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(2.895.468.998.805)	851.710.826.559

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(18.401.291.782)	(5.072.576.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(18.401.291.782)	(5.072.576.800)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	73	25.305.401.346.964	18.631.788.197.747
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(22.125.024.862.676)	(19.656.664.490.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	3.180.376.484.288	(1.024.876.293.166)
IV. Thay đổi tiền thuần trong năm	90	266.506.193.701	(178.238.043.407)
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	101	158.346.973.110	336.585.016.517
- Tiền	101.1	126.346.973.110	336.585.016.517
- Các khoản tương đương tiền	101.2	32.000.000.000	-
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm	103	424.853.166.811	158.346.973.110
- Tiền	103.1	424.853.166.811	126.346.973.110
- Các khoản tương đương tiền	103.2	-	32.000.000.000

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp trực tiếp)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	94.384.803.391.849	86.021.306.786.460
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(96.232.463.699.857)	(88.670.415.588.655)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.470.208.652.652	2.350.351.807.644
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(5.711.107.359)	(9.020.512.643)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	4.765.720.038.367	6.715.754.405.321
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(4.766.468.942.665)	(6.714.466.882.666)
Thay đổi tiền thuần trong năm	20	616.088.332.987	(306.489.984.539)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	368.333.518.597	674.823.503.136
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	260.257.162.049	306.471.461.887
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	98.122.105.223	317.751.587.134
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	4.421.614.075	46.355.339.520
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	5.532.637.250	4.245.114.595
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40	984.421.851.584	368.333.518.597
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	984.421.851.584	368.333.518.597
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	792.983.924.882	260.257.162.049
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	130.396.066.737	98.122.105.223
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	56.258.127.013	4.421.614.075
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	4.783.732.952	5.532.637.250



Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước		Năm nay		Năm nay			
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	1.811.808.740.764	1.865.467.260.096	601.496.928.609	(547.838.409.277)	275.359.067.985	(102.891.771.125)	1.865.467.260.096	2.037.934.556.956
1.1. Vốn góp chủ sở hữu		1.070.285.524.053	1.493.274.874.053	423.017.350.000	(28.000.000)	-	-	1.493.274.874.053	1.493.274.874.053
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.365.760.000	1.487.383.110.000	423.017.350.000	-	-	-	1.487.383.110.000	1.487.383.110.000
1.3. Cổ phiếu quỹ	18	6.178.512.734	6.150.512.734	-	(28.000.000)	-	-	6.150.512.734	6.150.512.734
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	18	(258.748.681)	(258.748.681)	-	-	-	-	(258.748.681)	(258.748.681)
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18	42.878.917.232	-	-	(42.878.917.232)	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18	42.878.917.232	2.504.901.214	2.440.923.982	(42.814.940.000)	1.759.746.774	-	2.504.901.214	4.264.647.988
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện		655.765.382.247	369.687.484.829	176.038.654.627	(462.116.552.045)	273.599.321.211	(102.891.771.125)	369.687.484.829	540.395.034.915
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		381.288.685.482	200.117.529.195	176.038.654.627	(357.209.810.914)	273.599.321.211	(16.693.073.757)	200.117.529.195	457.023.776.649
		274.476.696.765	169.569.955.634	-	(104.906.741.131)	-	(86.198.697.368)	169.569.955.634	83.371.258.266
Tổng cộng		1.811.808.740.764	1.865.467.260.096	601.496.928.609	(547.838.409.277)	275.359.067.985	(102.891.771.125)	1.865.467.260.096	2.037.934.556.956

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. (Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		-	(13.934.270.000)	-	(13.934.270.000)	18.128.950.000	(4.194.680.000)	(13.934.270.000)	-
2. Lãi, lỗ toàn diện khác		-	2.786.854.000	2.786.854.000	-	838.936.000	(3.625.790.000)	2.786.854.000	-
Tổng cộng		-	(11.147.416.000)	2.786.854.000	(13.934.270.000)	18.967.886.000	(7.820.470.000)	(11.147.416.000)	-

Lưu Thị Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Thuyết minh báo cáo tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 789.934.000.000 VND. Ngày 10 tháng 10 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.487.383.110.000 VND. Ngày 01 tháng 8 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK thay đổi trụ sở chính của Công ty tại tầng 1 đến tầng 4, tòa nhà N02-T2, khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Ngày 31 tháng 7 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ngày 20 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 6 năm 2017).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.487.383.110.000 VND. Trong đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nắm giữ 75,6% vốn.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1 đến tầng 4, tòa nhà N02-T2, khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 245 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 217 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 (“Thông tư 121”) quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

f) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi thanh toán bù trừ và giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi thanh toán bù trừ và giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc tại thời điểm ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Giá mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Các chi phí giao dịch này được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ (-) đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tương tự như các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn .

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán theo giá hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần thu nhập toàn diện khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá lại hoặc chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Đối với chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại được ước tính dựa trên mô hình định giá nội bộ của Công ty. Cơ sở để xác định giá trị hợp lý là sử dụng một trong hai nhóm phương pháp định giá sau tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp cần định giá và khả năng thu thập thông tin như: phương pháp định giá chiết khấu; phương pháp định giá so sánh.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán. Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập; và
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác. Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp, phải thu và dự thu cổ tức, lãi dự thu tài sản tài chính và phải thu bán tài sản tài chính.

Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán, hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động tư vấn và dịch vụ khác.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu bao gồm dự phòng suy giảm giá trị phải thu về gốc trái phiếu đáo hạn, dự phòng khó đòi và suy giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp và dự phòng suy giảm giá trị phải thu khác. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê lô đất là 50 năm từ ngày 10 tháng 11 năm 2014 đến ngày 09 tháng 11 năm 2064.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê văn phòng, sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, phí bảo lãnh và thu xếp khoản vay, phí bảo trì và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các khoản phải trả khác.

Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các loại thuế, được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Theo quy định tại Thông tư số 114/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17 tháng 12 năm 2021, các quỹ dự trữ sẽ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng nhằm đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động không bao gồm các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị chênh lệch tăng/giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Doanh thu

Doanh thu từ đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam).

Thu nhập lãi từ tài sản tài chính

Thu nhập lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ bán các tài sản tài chính và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ bán các tài sản tài chính và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
 - Có quyền đồng kiểm soát Công ty.

- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	136.442.376	235.625.903
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	424.625.304.574	125.835.423.266
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	91.419.861	275.923.941
Các khoản tương đương tiền	-	32.000.000.000
	424.853.166.811	158.346.973.110

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	VND	VND
Của công ty chứng khoán	341.215.204	67.409.718.969.703
Cổ phiếu	110.566.608	2.154.435.769.220
Trái phiếu	223.164.908	30.642.614.038.034
Chứng chỉ quỹ	139.500	4.923.666.323
Chứng khoán khác	7.344.188	34.607.745.496.126
Của nhà đầu tư	3.673.959.001	67.908.247.138.557
Cổ phiếu	3.589.900.322	64.433.113.439.347
Trái phiếu	27.248.628	3.425.682.878.300
Chứng chỉ quỹ	301.300	5.054.700.420
Chứng khoán khác	56.508.751	44.396.120.490

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	966.093.396.098	876.175.931.204	608.217.750.176	515.577.344.775
Cổ phiếu chưa niêm yết	109.565.592.696	307.119.206.566	115.574.211.428	425.002.724.172
Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	6.393.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	285.485.500.000	285.485.500.000	231.017.500.000	231.017.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	154.600.000.000	154.600.000.000	521.600.000.000	521.600.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	408.149.408.220	408.149.408.220	110.308.105.600	110.308.105.600
Tổng cộng	1.929.156.373.437	2.037.923.045.990	1.586.717.567.204	1.803.505.674.547

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.782.531.750.000	1.138.331.750.000
Tổng cộng	1.782.531.750.000	1.138.331.750.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 5,2% đến 11%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: kỳ hạn từ 06 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 4,9% đến 10,8%/năm).

Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 1.782.531.750.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 13).

Các khoản cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	2.722.118.948.018	1.466.660.146.637
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	54.683.702.271	43.502.335.086
Tổng cộng	2.776.802.650.289	1.510.162.481.723

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	40.900.070.000	26.965.800.000
Trái phiếu chưa niêm yết	340.000.000.000	340.000.000.000	-	-
Giấy tờ có giá	428.078.947.369	428.078.947.369	250.000.000.000	250.000.000.000
Tổng cộng	768.078.947.369	768.078.947.369	290.900.070.000	276.965.800.000

Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố giấy tờ có giá với số tiền 428.078.947.369 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 13).

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (*)	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
Tổng cộng	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)

(*) Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay ký quỹ đã được trích lập dự phòng suy giảm giá trị với giá trị gốc vay là 4.810.368.138 VND không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Công ty thực hiện theo dõi lãi dự thu phát sinh cho mục đích quản trị nội bộ và sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Chênh lệch đánh giá lại	
	Giá mua	Giá trị hợp lý	Tăng	Giảm
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.929.156.373.437	2.037.923.045.990	240.495.635.996	(131.728.963.443)
Cổ phiếu niêm yết	966.093.396.098	876.175.931.204	17.168.311.901	(107.085.776.795)
Cổ phiếu chưa niêm yết	109.565.592.696	307.119.206.566	222.196.800.518	(24.643.186.648)
Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	6.393.000.000	1.130.523.577	
Trái phiếu niêm yết	285.485.500.000	285.485.500.000		
Trái phiếu chưa niêm yết	154.600.000.000	154.600.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	408.149.408.220	408.149.408.220	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	768.078.947.369	768.078.947.369	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	340.000.000.000	340.000.000.000	-	-
Giấy tờ có giá	428.078.947.369	428.078.947.369	-	-
Tổng cộng	2.697.235.320.806	2.806.001.993.359	240.495.635.996	(131.728.963.443)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Chênh lệch đánh giá lại	
	Giá mua	Giá trị hợp lý	Tăng	Giảm
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.586.717.567.204	1.803.505.674.547	385.746.684.106	(168.958.576.763)
Cổ phiếu niêm yết	608.217.750.176	515.577.344.775	52.901.613.844	(145.542.019.245)
Cổ phiếu chưa niêm yết	115.574.211.428	425.002.724.172	332.845.070.262	(23.416.557.518)
Trái phiếu niêm yết	231.017.500.000	231.017.500.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	521.600.000.000	521.600.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	110.308.105.600	110.308.105.600	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	290.900.070.000	276.965.800.000	-	(13.934.270.000)
Cổ phiếu niêm yết	40.900.070.000	26.965.800.000	-	(13.934.270.000)
Giấy tờ có giá	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-
Tổng cộng	1.877.617.637.204	2.080.471.474.547	385.746.684.106	(182.892.846.763)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu	560.287.434.652	64.010.966.403
Phải thu bán tài sản tài chính	367.300.000.000	832.500.000
Phải thu tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đáo hạn (*)	367.300.000.000	832.500.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	192.987.434.652	63.178.466.403
Dự thu cổ tức cổ phiếu niêm yết	2.285.040.000	-
Dự thu tiền lãi hoạt động margin	36.571.672.238	25.582.152.527
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán	104.792.259	85.713.230
Dự thu tiền lãi trái phiếu niêm yết	13.519.520.547	-
Dự thu tiền lãi trái phiếu chưa niêm yết	5.845.753.426	-
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	95.946.587.696	28.606.491.056
Dự thu tiền lãi giấy tờ có giá	38.714.068.486	8.904.109.590
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.202.770.486	2.487.535.347
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	299.584.338	227.567.000
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	200.000.000	300.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	707.500.000	440.500.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.792.083.058	1.024.095.505
Phải thu dịch vụ khác	203.603.090	495.372.842
	563.490.205.138	66.498.501.750
Trong đó:		
Số dư phải thu có khả năng thu hồi	547.225.447.260	65.502.970.415

(*) Số dư cuối năm thể hiện các khoản phải thu trái phiếu chưa niêm yết đã đáo hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi khoản phải thu trái phiếu chưa niêm yết đã đáo hạn với số tiền là 315.000.000.000 VND.

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản thu trong năm:

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dư dự phòng VND	Trích lập VND	Hoàn nhập VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dư dự phòng VND
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu về gốc trái phiếu đảo hạn Công ty cổ phần Lavida Invest	-	-	15.690.000.000	-	52.300.000.000	15.690.000.000
Dự phòng khó đòi và suy giảm giá trị phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.640.207.934	953.031.335	136.851.831	(557.625.288)	616.244.871	532.257.878
CTCP Lavida Invest	1.072.000.000	536.000.000	-	(536.000.000)	-	-
CTCP Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Việt Nam	22.000.000	11.000.000	4.400.000	-	-	15.400.000
Phí lưu ký và phí SMS - Khách hàng tổ chức	124.108.262	108.138.662	45.441.367	(5.940.414)	156.496.307	147.639.615
Phí lưu ký và phí SMS - Khách hàng cá nhân	422.099.672	297.892.673	87.010.464	(15.684.874)	459.748.564	369.218.264
Dự phòng suy giảm phải thu khác	42.500.000	42.500.000	-	-	42.500.000	42.500.000
Ứng trước cho người bán	42.500.000	42.500.000	-	-	42.500.000	42.500.000
Tổng cộng	1.682.707.934	995.531.335	15.826.851.831	(557.625.288)	52.958.744.871	16.264.757.878

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí bảo lãnh khoản vay	1.863.501.338	2.371.297.210
Phí bảo hành	-	412.643.226
Thuê văn phòng	4.270.975.410	4.261.369.863
Bảo hiểm	723.410.065	553.950.872
Phí bảo trì	88.673.121	118.610.401
Phí thu xếp khoản vay	-	6.060.223
Khác	1.525.389.851	1.422.431.477
	8.471.949.785	9.146.363.272
Chi phí trả trước dài hạn		
Sửa chữa văn phòng	10.658.038.605	-
Công cụ, dụng cụ	2.153.655.538	2.954.749.789
Khác	579.529.406	181.771.473
	13.391.223.549	3.136.521.262

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	4.890.829.636	33.770.530.878	17.410.150.857	2.677.537.008	38.740.000	58.787.788.379
Mua sắm trong năm	-	14.479.063.627	4.980.080.000	10.227.022.475	-	29.686.166.102
Số dư cuối năm	4.890.829.636	48.249.594.505	22.390.230.857	12.904.559.483	38.740.000	88.473.954.481
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	4.890.829.636	32.259.926.310	11.856.504.568	2.463.375.265	38.740.000	51.509.375.779
Khấu hao trong năm	-	1.327.160.765	1.699.584.895	834.851.227	-	3.861.596.887
Số dư cuối năm	4.890.829.636	33.587.087.075	13.556.089.463	3.298.226.492	38.740.000	55.370.972.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	-	1.510.604.568	5.553.646.289	214.161.743	-	7.278.412.600
Tại ngày cuối năm	-	14.662.507.430	8.834.141.394	9.606.332.991	-	33.102.981.815

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 47.200.598.479 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 32.785.995.330 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	39.439.384.884	34.525.283.012	73.964.667.896
Mua sắm trong năm	-	1.528.250.000	1.528.250.000
Số dư cuối năm	39.439.384.884	36.053.533.012	75.492.917.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	6.355.442.623	33.266.896.976	39.622.339.599
Khấu hao trong năm	790.396.368	1.555.722.754	2.346.119.122
Số dư cuối năm	7.145.838.991	34.822.619.730	41.968.458.721
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	33.083.942.261	1.258.386.036	34.342.328.297
Tại ngày cuối năm	32.293.545.893	1.230.913.282	33.524.459.175

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.395.283.012 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 21.586.691.581 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã cầm cố quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 32.293.545.893 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 13).

12. TIỀN NỘP CÁC QUỸ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		
Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiền nộp bổ sung	10.285.174.778	10.285.174.778
Tiền lãi phân bổ	6.560.385.111	6.560.385.111
	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch phái sinh		
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	100.285.083	78.440.034
	10.100.285.083	10.078.440.034

13. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.075.099.329.013	25.305.841.346.964	22.125.464.862.676	6.255.475.813.301
Tổng cộng	3.075.099.329.013	25.305.841.346.964	22.125.464.862.676	6.255.475.813.301

Chi tiết dư nợ vay ngắn hạn theo đối tượng như sau:

	Phát sinh trong năm			Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	250.000.000.000	2.748.750.000.000	2.294.500.000.000	704.250.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	360.000.000.000	2.304.315.194.509	2.085.015.194.509	579.300.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	600.000.000.000	3.184.130.671.846	3.219.643.671.846	564.487.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	150.000.000.000	893.000.000.000	550.000.000.000	493.000.000.000
Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc - Chi nhánh Hà nội	132.800.000.000	292.800.000.000	132.800.000.000	292.800.000.000
Ngân hàng Shanghai Commercial & Saving Bank - Chi nhánh Singapore	233.680.000.000	440.000.500.000	432.860.500.000	240.820.000.000
Ngân hàng KEB Hana Bank	209.115.000.000	230.000.000.000	209.115.000.000	230.000.000.000
Ngân hàng thương mại TNHH E.SUN	230.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000
Ngân hàng Union Bank of Taiwan	360.465.000.000	-	360.465.000.000	-
Ngân hàng Cathay United Bank	20.510.000.000	-	20.510.000.000	-
Ngân hàng First Commercial Bank	140.000.000.000	407.000.000.000	547.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	3.374.112.600.000	2.945.007.600.000	429.105.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.316.211.150.000	1.106.611.150.000	209.600.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	-	400.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng khác	388.529.329.013	6.003.618.612.308	5.630.636.141.321	761.511.800.000
Vay khác	-	3.481.902.618.301	2.161.300.605.000	1.320.602.013.301
Tổng cộng	3.075.099.329.013	25.305.841.346.964	22.125.464.862.676	6.255.475.813.301

Các khoản vay ngắn hạn tài thời điểm cuối năm có kỳ hạn từ 01 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2% đến 6,63%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Công ty đã sử dụng các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các tổ chức tín dụng để phòng ngừa rủi ro hối đoái của khoản vay ngoại tệ. Theo đó, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái nêu trên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay được đảm bảo bằng giấy tờ có giá và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Chi tiết giá trị hợp lý/giá trị còn lại của các tài sản được cầm cố để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:		
Trái phiếu	-	365.000.000.000
Giấy tờ có giá	2.210.610.697.369	1.166.331.750.000
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	32.293.545.893	33.083.942.261
	2.242.904.243.262	1.564.415.692.261

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	1.749.095.949	1.457.716.691
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)	696.104.916	567.571.267
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	36.908.334.622	627.129.318
Phải trả các chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	103.363.398	147.134.760
Phải trả phát hành thêm	36.216.432.800	194.800
Phải trả nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	586.496.954	477.758.288
Khác	2.041.470	2.041.470
	39.353.535.487	2.652.417.276

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	-	5.590.000.000
Phải trả cho người bán khác	19.555.997.915	876.342.051
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc D+ Việt Nam	169.658.182	518.917.392
Công ty Cổ phần Kỹ thương 3H Việt Nam	-	156.600.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	8.331.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Ân	3.982.367.351	-
Công ty TNHH Điện Lạnh và Thiết bị Công Nghiệp Tân Thanh	2.379.012.643	-
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	1.819.000.590	-
Công ty Cổ phần Y khoa & Thẩm mỹ Thu Cúc	740.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	703.800.000	-
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam	479.182.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng CONINCO	231.057.578	-
Khác	720.519.571	200.824.659
	19.555.997.915	6.466.342.051

(*) Số dư đầu năm là khoản phải trả mua tài sản tài chính đã thực hiện giao dịch khớp lệnh tại ngày 30 tháng 12 năm 2022 và thanh toán vào ngày 03 tháng 01 năm 2023 (ngày T+2).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.460.736.778	1.460.736.778	-	-
Khác	-	57.695.537	62.431.835	4.736.298
	1.460.736.778	1.518.432.315	62.431.835	4.736.298
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	22.720.374	127.468.141	116.302.675	33.885.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	63.833.143.388	44.509.945.457	19.323.197.931
Thuế thu nhập cá nhân	5.626.643.674	55.921.704.795	53.888.049.330	7.660.299.139
Thuế khác	-	2.978.511.711	2.978.511.711	-
	5.649.364.048	122.860.828.035	101.492.809.173	27.017.382.910

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	13.815.890.283	9.548.259.045
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do hoán đổi ngoại tệ	185.819.178	7.838.273.309
Chi phí phải trả khác	2.694.492.649	1.752.693.422
	16.696.202.110	19.139.225.776

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.064.365.760.000	6.178.512.734	-	(258.748.681)	42.878.917.232	42.878.917.232	655.765.382.247	1.811.808.740.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	71.067.936.264	71.067.936.264
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	337.387.470.000	-	-	-	-	-	(337.387.470.000)	-
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	2.440.923.982	(2.440.923.982)	-
Tăng vốn từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	42.814.940.000	-	-	-	(42.814.940.000)	-	-	-
Tăng vốn từ nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	42.814.940.000	-	-	-	-	(42.814.940.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(17.381.416.932)	(17.381.416.932)
Chênh lệch đánh giá các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	-	-	(13.934.270.000)	-	-	-	-	(13.934.270.000)
Biến động khác	-	(28.000.000)	2.786.854.000	-	(63.977.232)	-	63.977.232	2.758.854.000
Số dư đầu năm nay	1.487.383.110.000	6.150.512.734	(11.147.416.000)	(258.748.681)	-	2.504.901.214	369.687.484.829	1.854.319.844.096
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	187.400.623.843	187.400.623.843
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	1.759.746.774	(1.759.746.774)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	-	(14.933.326.983)	(14.095.561.320)
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	13.934.270.000	-	-	-	-	13.934.270.000
Biến động khác	-	-	(2.786.854.000)	-	-	-	-	(3.624.619.663)
Số dư cuối năm nay	1.487.383.110.000	6.150.512.734	-	(258.748.681)	-	4.264.647.988	540.395.034.915	2.037.934.556.956

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCB-CKCT ngày 27 tháng 3 năm 2023, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo luật định và quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022.

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	148.738.311	1.487.383.110.000	148.738.311	1.487.383.110.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(36.962)	(369.620.000)	(36.962)	(369.620.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	148.701.349	1.487.013.490.000	148.701.349	1.487.013.490.000

19. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm trước	200.117.529.195	381.288.685.482
Lãi đã thực hiện năm nay	273.599.321.211	175.974.677.395
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(1.759.746.774)	(2.440.923.982)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	(14.933.326.983)	(17.381.416.932)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(337.387.470.000)
Khác	-	63.977.232
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm	457.023.776.649	200.117.529.195



20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

20.1. Tài sản tài chính niêm yết/Đăng ký giao dịch tại VSDC của công ty chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	826.245.680.000	561.790.580.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	171.000.000
	826.245.680.000	561.961.580.000

20.2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.460.000	1.460.000
	1.460.000	1.460.000

20.2.1. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC	1.757.112.660.000	1.071.049.280.000
	1.757.112.660.000	1.071.049.280.000

20.3. Tài sản tài chính niêm yết/Đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	12.233.699.445.000	11.423.821.842.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.781.600.700.000	1.735.667.990.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.814.447.330.000	1.955.658.310.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	5.375.945.680.000	2.549.158.910.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	102.341.310.000	113.625.855.000
	23.308.034.465.000	17.777.932.907.000

20.4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	90.941.390.000	93.294.390.000
	90.941.390.000	93.294.390.000

20.5. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư trong nước	104.186.550.000	106.300.178.000
	104.186.550.000	106.300.178.000

20.6. Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	792.983.924.882	260.257.162.049
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	789.563.181.029	258.893.339.137
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	599.077.970	521.210.011
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư trong nước tại VSDC	2.821.665.883	842.612.901
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	130.396.066.737	98.122.105.223
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	56.258.127.013	4.421.614.075
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	53.558.444.913	3.249.295.998
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	2.699.682.100	1.172.318.077
	979.638.118.632	362.800.881.347

20.8. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	4.783.732.952	5.532.637.250
	4.783.732.952	5.532.637.250

20.9. Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	979.638.118.632	362.800.881.347
Nhà đầu tư trong nước	973.511.527.679	360.264.740.358
Nhà đầu tư nước ngoài	3.304.925.070	1.693.528.088
Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán phái sinh	2.821.665.883	842.612.901
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.783.732.952	5.532.637.250
	984.421.851.584	368.333.518.597

21. THU NHẬP

21.1. Lãi/Lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	39.589.217	817.931.883.500	686.612.773.117	131.319.110.383	70.080.550.821
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.700.049	141.000.945.400	24.099.151.435	116.901.793.965	7.515.050
3	Trái phiếu niêm yết	31.425.400	3.285.827.804.400	3.281.342.971.217	4.484.833.183	1.408.599.100
4	Trái phiếu chưa niêm yết	25.724.019	5.815.292.079.102	5.800.152.842.891	15.139.236.211	8.016.239.225
5	Công cụ thị trường tiền tệ				5.158.776.753	8.626.838.673
					273.003.750.495	88.139.742.869

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
1	Cổ phiếu niêm yết	1.406.605	32.741.964.220	33.707.438.578	965.474.358	7.975.561.135
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.460.137	63.960.857.100	67.512.343.680	3.551.486.580	21.790.875
3	Trái phiếu niêm yết	19.520.000	2.090.234.700.000	2.092.040.457.183	1.805.757.183	232.090.000
4	Công cụ thị trường tiền tệ				669.521.807	5.862.361.927
5	Chứng chỉ quỹ niêm yết				-	283.410
					6.992.239.928	14.092.087.347

Đơn vị: VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá trong năm
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.929.156.373.437	2.037.923.045.990	108.766.672.553	216.788.107.343	206.885.404.341	(314.906.839.131)
1	Cổ phiếu niêm yết	966.093.396.098	876.175.931.204	(89.917.464.894)	(92.640.405.401)	187.687.572.976	(184.964.632.469)
	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	94.709.854.790	28.691.291.000	(66.018.563.790)	(69.315.009.990)	6.776.028.300	(3.479.582.100)
	Công ty cổ phần Kiên Hưng	15.064.502.000	12.412.916.200	(2.651.585.800)	7.384.389.000	6.734.667.300	(16.770.642.100)
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	87.709.460.862	71.336.582.400	(16.372.878.462)	(21.202.959.562)	18.577.235.000	(13.747.153.900)
	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	37.423.993.292	36.751.948.800	(672.044.492)	(18.511.494.092)	18.241.843.200	(402.393.600)
	CTCO Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	33.255.154.794	23.251.299.840	(10.003.854.954)	(18.566.899.620)	14.343.213.306	(5.780.168.640)
	NHTMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	259.370.126.833	259.168.060.000	(202.066.833)	1.524.360.000	37.313.336.617	(39.039.763.450)
	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	201.354.475.000	214.400.000.000	13.045.525.000	59.360	13.045.525.000	(59.360)
	Công ty cổ phần DNP Holding	119.900.000.000	121.000.000.000	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
	Công ty Cổ phần Chương Dương	13.125.000.000	15.037.500.000	1.912.500.000	-	2.572.500.000	(660.000.000)
	TCT Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	37.235.957.014	31.794.840.000	(5.441.117.014)	-	-	(5.441.117.014)
	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	31.312.509.812	26.133.750.000	(5.178.759.812)	(30.453)	147.739.700	(5.326.469.059)
	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk	15.406.800.000	14.872.000.000	(534.800.000)	-	1.727.100.000	(2.261.900.000)
	Cổ phiếu khác	20.225.561.701	21.325.742.964	1.100.181.263	26.047.179.956	67.108.384.553	(92.055.383.246)
2	Chứng chỉ quỹ	5.262.476.423	6.393.000.000	1.130.523.577	-	1.130.523.577	-
3	Cổ phiếu chưa niêm yết	109.565.592.696	307.119.206.566	197.553.613.870	309.428.512.744	18.067.307.788	(129.942.206.662)
	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	47.809.162.642	266.470.759.896	218.661.597.254	332.413.783.918	9.115.815.800	(122.868.002.464)
	Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	35.065.711.200	15.956.784.000	(19.108.927.200)	(17.763.733.200)	269.038.800	(1.614.232.800)
	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tài tạo	7.630.000.000	2.104.354.000	(5.525.646.000)	(5.643.911.000)	516.551.000	(398.286.000)
	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	956.136.400	2.658.053.368	1.701.916.968	429.272.572	1.272.644.396	-
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	18.092.050.000	19.924.294.000	1.832.244.000	-	1.832.244.000	-
	Cổ phiếu khác	12.532.454	4.961.302	(7.571.152)	(6.899.546)	5.061.013.792	(5.061.685.398)
	Trái phiếu niêm yết	285.485.500.000	285.485.500.000	-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	154.600.000.000	154.600.000.000	-	-	-	-
5	Chứng chỉ tiền gửi	408.149.408.220	408.149.408.220	-	-	-	-
6	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	768.078.947.369	768.078.947.369	-	(13.934.270.000)	13.934.270.000	-
II	Trái phiếu chưa niêm yết	340.000.000.000	340.000.000.000	-	-	-	-
1	Chứng chỉ tiền gửi	428.078.947.369	428.078.947.369	-	-	-	-
2	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	(13.934.270.000)	13.934.270.000	-
3	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	(13.934.270.000)	13.934.270.000	-
	Tổng cộng	2.697.235.320.806	2.806.001.993.359	108.766.672.553	202.853.837.343	220.819.674.341	(314.906.839.131)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

21.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính, phải thu và cho vay, tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	53.939.020.068	118.587.297.984
Cổ phiếu	15.525.439.818	39.863.067.859
Trái phiếu	38.413.580.250	77.400.480.954
Chứng chỉ tiền gửi	-	1.323.749.171
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	162.032.721.280	88.501.819.316
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	253.381.553.614	189.174.189.320
Lãi hoạt động margin	242.502.360.997	180.513.869.162
Lãi hoạt động ứng trước tiền bán	10.879.192.617	8.660.320.158
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	72.374.821.001	14.000.180.823
Cổ phiếu	-	518.500.000
Trái phiếu	22.989.041.132	-
Chứng chỉ tiền gửi	23.441.678.081	13.481.680.823
Công cụ thị trường tiền tệ khác	25.944.101.788	-
	541.728.115.963	410.263.487.443

22. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	17.533.991.397	17.686.712.075
Phí quản lý thành viên và phí định kỳ hàng năm phân bổ cho hoạt động môi giới	488.000.000	488.000.000
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	60.207.571.106	48.143.046.118
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	18.610.477.662	11.007.622.556
Vật tư văn phòng	214.428.200	105.411.603
Công cụ, dụng cụ	1.051.576.117	614.719.723
Chi phí khấu hao	2.153.686.267	5.588.664.350
Dịch vụ mua ngoài	24.824.254.322	26.578.266.848
Chi phí khác	13.353.148.538	4.248.361.038
	78.229.562.503	66.317.758.193

23. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí lưu ký chứng khoán cho khách hàng	7.183.748.575	6.377.429.472
Chi phí quản lý hoạt động lưu ký	9.566.388.519	6.826.936.732
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	7.564.386.743	5.710.379.536
Vật tư văn phòng	60.728.339	68.622.463
Công cụ, dụng cụ	509.169.096	353.046.489
Chi phí khấu hao	13.982.126	-
Dịch vụ mua ngoài	1.137.300.476	482.812.207
Chi phí khác	280.821.739	212.076.037
	16.750.137.094	13.204.366.204

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.377.945.091	2.713.619.799
Doanh thu khác về đầu tư	1.369.596.591	1.172.871.521
	4.747.541.682	3.886.491.320

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	300.452.195.784	189.728.804.140
Chi phí repo chứng chỉ tiền gửi	6.626.066.859	10.246.826.691
Chi phí đầu tư khác	34.716.122.862	31.295.774.553
	341.794.385.505	231.271.405.384

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	70.666.407.725	52.483.309.240
Chi phí vật tư văn phòng	1.829.686.982	1.448.503.675
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.144.436.689	2.200.433.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.036.982.442	2.713.185.855
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.574.528.179	1.672.634.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.771.874.170	10.233.453.832
Dự phòng phải thu khó đòi	-	42.500.000
Chi phí khác	19.409.733.562	18.996.204.050
	123.433.649.749	89.790.225.136

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	230.871.766.587	78.794.160.751
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(222.410.844.159)	(277.286.722.017)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	318.008.478.399	368.257.110.114
Thu nhập chịu thuế	326.469.400.827	169.764.548.848
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	65.293.880.166	33.952.909.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	65.293.880.166	33.952.909.770

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(44.431.297.709)	(73.444.836.992)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	21.604.286.958	26.226.685.283
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán thực hiện trong năm	(2.786.854.000)	2.786.854.000
Số dư cuối năm	(25.613.864.751)	(44.431.297.709)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch tạm thời	218.450.464	-
Số dư cuối năm	218.450.464	-

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	187.400.623.843	56.134.609.281
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	148.701.349	148.701.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.260	377

Điều chỉnh hồi tố

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT của Đại hội đồng Cổ đông ngày 27 tháng 3 năm 2023, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được trình bày lại sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	71.067.936.264	71.067.936.264
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	-	(14.933.326.983)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	71.067.936.264	56.134.609.281
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	148.701.349	148.701.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	478	377

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa trên ước tính chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2024 và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Lãi/Lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	(13.934.270.000)
Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán thực hiện trong năm	13.934.270.000	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ lỗ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán thực hiện trong năm	(2.786.854.000)	2.786.854.000
Tổng cộng	11.147.416.000	(11.147.416.000)

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu phí lưu ký trái phiếu	1.395.657.385	2.914.176.074
Doanh thu từ lãi tiền gửi	1.099.985.553	1.223.861.042
Chi phí trả lãi tiền gửi	716.181.880	695.084.775
Doanh thu phí tư vấn phát hành	350.000.000	420.000.000
Doanh thu khác	83.568.547	149.919.065
Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	16.022.759.333	19.803.678.434
Chi phí thuê văn phòng	2.936.640.000	2.720.780.800
Phí chuyển tiền	50.084.571	42.155.835
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu chuyển nhượng trái phiếu	-	17.450.000
Doanh thu phí lưu ký	21.360.858	21.416.474
Chi phí lãi tiền gửi	376.385	674.006
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
Phí bảo hiểm	1.282.539.941	788.148.404
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Mua hàng	875.252.000	100.975.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Dịch vụ thẩm định giá	50.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán của Công ty	99.196.673.758	23.257.262.919
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	795.109.883.282	362.151.388.463
Phải thu tư vấn phát hành trái phiếu	-	-
Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	16.009.652	36.015.668
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	103.363.398	147.134.767
Các khoản phải trả	604.747.416	604.747.416
Doanh thu chưa thực hiện	563.256.151	1.958.913.536
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.347.440.949	61.925.422
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
Chi phí trả trước	855.930.868	597.640.150
Phải thu phí bảo hiểm	3.466.650	-
Phải trả phí bảo hiểm	-	18.909.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Hội đồng Quản trị		3.073.582.314	2.581.998.696
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch	2.035.336.152	977.024.120
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Chủ tịch (iii)	-	635.743.960
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (ii)	3.848.112	319.895.843
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Thành viên (i)	236.798.050	52.943.578
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên (iii)	-	88.195.750
Bà Trần Thị Thìn	Thành viên độc lập (ii)	-	129.347.826
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên độc lập	797.600.000	378.847.619
Ban Kiểm soát		2.218.615.124	1.740.343.977
Ban Tổng Giám đốc		6.879.116.271	7.729.450.084
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	1.933.189.929	1.181.458.059
Ông Trần Phúc Vinh	Quyển Tổng Giám đốc (iii)	-	743.551.386
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	1.136.075.848	488.587.865
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.335.577.612	1.203.451.116
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.219.518.072	1.190.393.141
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.169.437.061	1.142.464.182
Bà Phan Hải Sấm	Phó Tổng Giám đốc (ii)	85.317.749	816.168.782
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc (ii)	-	963.375.553

- (i) Bổ nhiệm năm 2022
- (ii) Miễn nhiệm năm 2022
- (iii) Miễn nhiệm năm 2021

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Mối giới chứng khoán	Đầu tư vào công cụ tài chính	Hoạt động kinh doanh vốn	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	353.725.644.379	541.704.446.533	226.531.270.652	9.401.182.370	12.401.166.859	467.674.964	1.144.231.385.757
2. Doanh thu không phân bổ						5.699.300.923	5.699.300.923
3. Các chi phí trực tiếp	78.229.562.503	345.758.330.568	177.593.405.426	10.945.893.138	16.750.137.094	(420.773.457)	628.856.555.272
4. Khấu hao và chi phí phân bổ	34.615.370.130	53.010.858.036	22.168.208.340	919.993.822	1.213.570.426	45.766.377	111.973.767.131
5. Chi phí không phân bổ							178.228.597.690
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	240.880.711.746	142.906.457.929	26.798.456.886	(2.464.704.590)	(5.562.540.661)	6.541.982.967	230.871.766.587
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023							
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	2.839.084.625.721	4.137.293.709.300	974.942.424.076	907.500.000	(12.003.781.793)	203.603.090	7.940.428.080.394
2. Tài sản phân bổ	159.666.188.846	244.516.861.679	102.252.650.364	4.243.545.764	5.597.691.547	211.101.118	516.488.039.319
3. Tài sản không phân bổ							136.442.376
Tổng Tài sản	2.998.750.814.567	4.381.810.570.979	1.077.195.074.440	5.151.045.764	(6.406.090.246)	414.704.208	8.457.052.562.089
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	38.657.430.571	6.255.475.813.301	-	1.610.750.548	696.104.916	-	6.296.440.099.336
2. Nợ phải trả phân bổ	25.467.698.418	39.001.880.964	16.309.900.554	676.870.567	892.864.802	33.671.873	82.382.887.177
3. Nợ phải trả không phân bổ							40.295.018.620
Tổng Nợ phải trả	64.125.128.989	6.294.477.694.265	16.309.900.554	2.287.621.115	1.588.969.718	33.671.873	6.419.118.005.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Môi giới chứng khoán	Đầu tư vào công cụ tài chính	Hoạt động kinh doanh vốn	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	290.917.267.902	433.485.245.557	112.648.949.593	20.785.233.238	13.725.041.143	593.375.200	872.155.112.633
2. Doanh thu không phân bổ						3.978.849.050	3.978.849.050
3. Các chi phí trực tiếp	66.317.758.193	388.410.983.243	59.171.197.158	7.497.075.901	13.204.366.204	261.609.092	534.862.989.791
4. Khấu hao và chi phí phân bổ	27.297.089.930	40.674.401.409	10.569.975.890	1.950.301.490	1.287.835.834	429.016.873	82.208.621.426
5. Chi phí không phân bổ							180.268.189.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	197.302.419.779	4.399.860.905	42.907.776.545	11.337.855.847	(767.160.895)	3.881.598.285	78.794.160.751
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022							
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	1.535.694.136.287	2.954.782.009.291	360.308.105.600	740.500.000	682.821.364	495.372.842	4.852.702.945.384
2. Tài sản phân bổ	61.107.139.930	91.053.527.860	23.661.899.396	4.365.935.942	2.882.943.373	960.395.198	184.031.841.699
3. Tài sản không phân bổ							235.625.902
Tổng Tài sản	1.596.801.276.217	3.045.835.537.151	383.970.004.996	5.106.435.942	3.565.764.737	1.455.768.040	5.036.970.412.985
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.084.846.009	3.075.099.329.013	-	3.592.806.563	567.571.267	-	3.081.344.552.852
2. Nợ phải trả phân bổ	29.212.750.359	43.528.857.377	11.311.757.691	2.087.170.123	1.378.213.825	459.124.501	87.977.873.876
3. Nợ phải trả không phân bổ							13.328.142.161
Tổng Nợ phải trả	31.297.596.368	3.118.628.186.390	11.311.757.691	5.679.976.686	1.945.785.092	459.124.501	3.182.650.568.889

Để phục vụ mục đích quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành các bộ phận: Môi giới chứng khoán, Đầu tư vào công cụ tài chính, Hoạt động kinh doanh vốn, Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành, Hoạt động lưu ký và Hoạt động đầu tư khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài.

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của Công ty được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của Công ty.

Tài sản của bộ phận: Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó.

Các khoản nợ phải trả bộ phận: Là các khoản nợ trong kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó.

Cách thức phân bổ tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí cho các bộ phận phụ thuộc vào tính chất của khoản mục hay hoạt động do bộ phận đó tiến hành và quyền tự chủ của bộ phận đó. Công ty đang phân bổ tài sản, nợ phải trả, chi phí chung theo tỷ lệ doanh thu bộ phận trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	10.713.640.000	10.713.640.000
Trên 1 năm đến 5 năm	28.912.040.000	39.625.680.000
Trên 5 năm	7.452.958.333	15.229.958.333
	47.078.638.333	65.569.278.333

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 3.485,5 m2 tại tòa nhà N02-T2, khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tào, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với giá thuê 7.777.000.000 VND/năm. Kỳ thanh toán tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2023: Bên thuê thanh toán số tiền thuê cụ thể là: 5.220.178.082 VND (tương đương số tiền thuê một năm trừ đi số tiền thuê được miễn trong thời hạn cải tạo, sửa chữa, theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 16 tháng 11 năm 2029.
- Tổng số tiền thuê 628,56 m2 tại địa chỉ số 49 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP Hồ Chí Minh với giá thuê 150.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2021.
- Tổng số tiền thuê 320 m2 tại Tầng 8, tòa nhà văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, số 36 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng với giá thuê 94.720.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 12.910.624.320 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lưu Thị Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024